

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ GIA NGHĨA
TRƯỜNG TIỂU HỌC & TRUNG HỌC CƠ SỞ PHAN ĐÌNH GIÓT

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

ĐẮK NÔNG - 2023

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ GIA NGHĨA
TRƯỜNG TIỂU HỌC & TRUNG HỌC CƠ SỞ PHAN ĐÌNH GIÓT

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Nguyễn Khắc Nghị	Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng	
2	Đinh Thị Hạnh	Phó hiệu trưởng	Phó Chủ tịch Hội đồng	
3	Nguyễn Thị Hương Giang	Giáo viên	Thư ký Hội đồng	
4	Phạm Thị Quỳnh Linh	Chủ tịch BCH công đoàn	Ủy viên Hội đồng	
5	Ka H'Hoa	Bí Thư Đoàn thanh niên	Ủy viên Hội đồng	
6	Nguyễn Thị Nhung	Tổ trưởng Tổ văn phòng	Ủy viên Hội đồng	
7	Nguyễn Thị Trúc Hà	Tổ trưởng Tổ chuyên môn	Ủy viên Hội đồng	
8	Đinh Thị Thu Hiền	Tổ trưởng Tổ chuyên môn	Ủy viên Hội đồng	

9	Triệu Thị Thao	Tổ trưởng Tổ chuyên môn	Ủy viên Hội đồng	
10	Nguyễn Thị Huế	Tổ trưởng Tổ chuyên môn	Ủy viên Hội đồng	
11	Hà Thị Lương	Tổ trưởng Tổ chuyên môn	Ủy viên Hội đồng	
12	Ngô Thị Thanh Huyền	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
13	Phạm Đăng Chinh	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
14	Đinh Thị Chuyên	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
15	Trần Thị Tú Anh	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
16	Nguyễn Thị Bích Thảo	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
17	Phan Thị Nga	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
18	Nguyễn Thị Mai Hiều	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
19	Nguyễn Mạnh Thắng	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
20	Lê Thị Liễu	Văn Thư	Ủy viên Hội đồng	
21	Nguyễn Thị Thảo	Nhân Viên	Ủy viên Hội đồng	

ĐẮK NÔNG - 2023

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	1
Danh mục các chữ viết tắt	4
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	5
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	7
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	14
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	14
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	19
I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3	19
Tiêu chuẩn 1	19
Mở đầu	19
Tiêu chí 1.1	20
Tiêu chí 1.2	21
Tiêu chí 1.3	22
Tiêu chí 1.4	24
Tiêu chí 1.5	26
Tiêu chí 1.6	27
Tiêu chí 1.7	28
Tiêu chí 1.8	29
Tiêu chí 1.9	30
Tiêu chí 1.10	31
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 1</i>	32
Tiêu chuẩn 2	33

Mở đầu	33
Tiêu chí 2.1	33
Tiêu chí 2.2	35
Tiêu chí 2.3	37
Tiêu chí 2.4	38
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 2</i>	39
Tiêu chuẩn 3	40
Mở đầu	40
Tiêu chí 3.1	40
Tiêu chí 3.2	41
Tiêu chí 3.3	42
Tiêu chí 3.4	43
Tiêu chí 3.5	45
Tiêu chí 3.6	46
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3</i>	47
Tiêu chuẩn 4	47
Mở đầu	47
Tiêu chí 4.1	47
Tiêu chí 4.2	49
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</i>	51
Tiêu chuẩn 5	51
Mở đầu	51
Tiêu chí 5.1	52
Tiêu chí 5.2	53
Tiêu chí 5.3	54

Tiêu chí 5.4	55
Tiêu chí 5.5	56
Tiêu chí 5.6	58
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</i>	60
II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4	60
Tiêu chí 1	Error! Bookm ark not defined.
Tiêu chí 2	Error! Bookm ark not defined.
Tiêu chí 3	Error! Bookm ark not defined.
Tiêu chí 4	Error! Bookm ark not defined.
Tiêu chí 5	Error! Bookm ark not defined.
Tiêu chí 6	Error! Bookm ark not defined.
<i>Kết luận</i>	Error! Bookm ark not defined.
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	60
Phần IV. PHỤ LỤC	Error! Bookm ark not

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

STT	Cụm từ viết tắt	Cụm từ đầy đủ
1	✓	Mặc nhiên đạt mức 3 khi tiêu chí đạt mức 2.
2	BGH	Ban Giám hiệu
3	CMHS	cha mẹ học sinh
4	ĐDDH	đồ dùng dạy học
5	GVCN	giáo viên chủ nhiệm
6	KQĐG	kết quả đánh giá
7	THCS	trung học cơ sở
8	UBND	Ủy ban nhân dân

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

1.1. Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		X	X	X
Tiêu chí 1.2		X	X	✓
Tiêu chí 1.3		X	X	X
Tiêu chí 1.4		X	X	X
Tiêu chí 1.5		X	X	X
Tiêu chí 1.6		X	X	X
Tiêu chí 1.7		X	X	✓
Tiêu chí 1.8		X	X	✓
Tiêu chí 1.9		X	X	✓
Tiêu chí 1.10		X	X	✓
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		X	X	X
Tiêu chí 2.2		X	X	X
Tiêu chí 2.3		X	X	X
Tiêu chí 2.4		X	X	X
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		X	X	X
Tiêu chí 3.2		X	X	X

Tiêu chí 3.3		X	X	X
Tiêu chí 3.4		X	X	✓
Tiêu chí 3.5		X	X	X
Tiêu chí 3.6		X	X	
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		X	X	X
Tiêu chí 4.2		X	X	X
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		X	X	X
Tiêu chí 5.2		X	X	X
Tiêu chí 5.3		X	X	✓
Tiêu chí 5.4		X	X	✓
Tiêu chí 5.5		X	X	X
Tiêu chí 5.6		X	X	X

Kết quả: Đạt Mức 2

1.2. Đánh giá tiêu chí Mức 4

Tiêu chí	Kết quả		Ghi chú
	Đạt	Không đạt	
Tiêu chí 1		X	
Tiêu chí 2		X	
Tiêu chí 3		X	
Tiêu chí 4		X	
Tiêu chí 5		X	
Tiêu chí 6		X	

Kết quả: Không đạt Mức 4

2. Kết luận: Trường đạt mức 2

Phần I
CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường (theo quyết định mới nhất): TRƯỜNG TIỂU HỌC & TRUNG HỌC CƠ SỞ PHAN ĐÌNH GIÓT

Tên trước đây (nếu có):

Cơ quan chủ quản: Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Gia Nghĩa

Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương	ĐẮK NÔNG	Họ và tên hiệu trưởng	Nguyễn Khắc Nghị
Huyện/quận /thị xã / thành phố	Thành phố Gia Nghĩa	Điện thoại	0914840709
Xã / phường/thị trấn	Xã Đăk R'moan	Fax	
Đạt CQG	Đạt mức 1	Website	
Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập)	2004	Số điểm trường	1
Công lập	√	Loại hình khác	
Tư thực		Thuộc vùng khó khăn	
Trường chuyên biệt		Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	
Trường liên kết với nước ngoài			

1. Số lớp học

Số lớp học	Năm học 2018 - 2019	Năm học 2019 - 2020	Năm học 2020 - 2021	Năm học 2021 - 2022	Năm học 2022 - 2023
Khối lớp 1	3	2	2	2	2
Khối lớp 2	2	3	2	2	2
Khối lớp 3	2	2	3	2	2
Khối lớp 4	2	2	2	2	2

Khối lớp 5	2	2	2	2	2
Khối lớp 6	2	2	2	2	2
Khối lớp 7	2	2	2	2	2
Khối lớp 8	2	2	2	2	2
Khối lớp 9	2	2	2	2	2
Cộng	19	19	19	18	18

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số liệu	Năm học 2018 - 2019	Năm học 2019 - 2020	Năm học 2020 - 2021	Năm học 2021 - 2022	Năm học 2022 - 2023	Ghi chú
I	Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập	0	0	0	0	0	
1	Phòng học	8	8	22	22	22	
a	Phòng kiên cố	8	8	20	20	20	
b	Phòng bán kiên cố	0	0	2	2	2	
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
2	Phòng học bộ môn	4	4	6	6	6	

a	Phòng kiên cố	3	3	0	0	0	
b	Phòng bán kiên cố	0	0	6	6	6	
c	Phòng tạm	1	1	0	0	0	
3	Khối phục vụ học tập	0	0	1	1	1	
a	Phòng kiên cố	0	0	1	1	1	
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
II	Khối phòng hành chính-quản trị	6	6	7	7	7	
1	Phòng kiên cố	0	0	3	3	3	
2	Phòng bán kiên cố	0	0	4	4	4	
3	Phòng tạm	6	6	0	0	0	

III	Thư viện	1	1	2	2	2	
IV	Các công trình, khôi phục chức năng khác (nếu có)	4	4	1	1	1	
	Cộng			27	27	27	

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm TĐG:

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	1	0	0	0	1	1	
Phó hiệu trưởng	1	0	0	0	1	0	
Giáo viên	25	22	3	0	25	0	
Nhân viên	5	4	0	0	3	1	
Cộng	32	26	3	0	30	2	

b) Số liệu của 5 năm gần đây:

TT	Số liệu	Năm học 2018 - 2019	Năm học 2019 - 2020	Năm học 2020 - 2021	Năm học 2021 - 2022	Năm học 2022 - 2023
1	Tổng số giáo viên	27	27	27	27	25

2	Tỷ lệ giáo viên/lớp	1.42	1.42	1.42	1.5	1.39
3	Tỷ lệ giáo viên/học sinh	0.054	0.048	0.048	0.05	0.47
4	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có)	3	3	6	23	25
5	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có)	8	8	8	10	10
6	Các số liệu khác (nếu có)					

4. Học sinh

a) Số liệu chung

TT	Số liệu	Năm học 2018 - 2019	Năm học 2019 - 2020	Năm học 2020 - 2021	Năm học 2021 - 2022	Năm học 2022 - 2023	Ghi chú
1	Tổng số học sinh	503	547	560	543	527	
	- Nữ	228	265	260	253	243	
	- Dân tộc	75	69	75	67	0	
	- Khối lớp 1	84	74	65	57	47	
	- Khối lớp 2	54	81	73	60	56	
	- Khối lớp 3	52	58	82	72	59	
	- Khối lớp 4	55	52	56	81	67	
	- Khối lớp 5	68	61	49	47	78	
	- Khối lớp 6	52	70	63	50	48	
	- Khối lớp 7	46	54	72	59	50	
	- Khối lớp 8	46	51	53	66	59	
	- Khối	46	46	47	51	63	

	<i>lớp 9</i>						
2	Tổng số tuyển mới	132	140	123	57	47	
3	Học 2 buổi/ngà y	312	326	325	317	307	
4	Bán trú	0	0	0	0	0	
5	Nội trú	0	0	0	0	0	
6	Bình quân số học sinh/lớp	26.47	28.79	29.47	30.16	29.3	
7	Số lượng và tỷ lệ % đi học đúng độ tuổi	132	140	523	506	485	
	- Nữ						
	- Dân tộc thiểu số			0	0		
8	Tổng số học sinh giỏi cấp huyện/tin h (nếu có)	6	5	6	3	0	
9	Tổng số học sinh giỏi cấp quốc gia (nếu có)	0	0	0	0	0	
10	Tổng số học sinh thuộc đối tượng chính sách						
	- Nữ	0	0	0	0	0	
	- Dân tộc thiểu số	0	0	75	67	0	
11	Tổng số học sinh (trẻ em) có hoàn cảnh đặc biệt	0	0	3	5	5	
	Các số liệu khác (nếu có)						

b) Kết quả giáo dục

Số liệu	Năm học 2018 - 2019	Năm học 2019 - 2020	Năm học 2020 - 2021	Năm học 2021 - 2022	Năm học 2022 - 2023	Ghi chú
Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi	7.58	11.31	10.21	9.33	15.3	
Tỷ lệ học sinh xếp loại khá	28.79	87.56	37.45	34.67	24.95	
Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém	2.02	4.98	2.98	4.44	6.04	
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm tốt	79.8	93.67	91.49	94.22	93.96	
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá	17.17	6.33	8.09	5.78	6.04	
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm trung bình	2.02	0	0.43	0	0	
Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học	100	100	100	100	93.96	
Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học	100	100	100	100	100	
Tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học	0	0	0	0	0	

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của nhà trường

Để nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường đáp ứng yêu cầu phát triển ngày càng cao của xã hội, giải pháp mang tính lâu dài là xây dựng văn hóa chất lượng giáo dục trong nhà trường. Căn cứ yêu cầu của Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Gia Nghĩa, căn cứ hướng dẫn công tác tự đánh giá chất lượng giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trường TH&THCS Phan Đình Giót đã tiến hành tự đánh giá chất lượng theo các tiêu chuẩn của cấp trung học cơ sở. Tự đánh giá là quá trình nhà trường tự xem xét, đánh giá thực trạng giáo dục của nhà trường, chỉ ra các điểm mạnh điểm yếu của từng tiêu chí trong các tiêu chuẩn, xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng và đưa ra các biện pháp thực hiện để đáp ứng các chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành nhằm không ngừng cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục để đăng kí kiểm định chất lượng giáo dục. Ngoài ra tự đánh giá là động lực làm thay đổi cách quản lý và cách làm việc của chính trường mình trong lĩnh vực giáo dục. Nhà trường tự nhìn nhận lại và đánh giá đúng thực chất hơn về tình hình thực tế của nhà trường.

Trường TH&THCS Phan Đình Giót có địa chỉ tại thôn Tân Hòa, xã Đăk R'Moan, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông. Trường được thành lập theo Quyết định số 895/QĐ-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố trên cơ sở sát nhập hai trường: tiểu học Phan Đình Giót và trung học cơ sở Lý Tự Trọng.

1.1. Bối cảnh bên ngoài

1.1.1. Thời cơ

- Năm học 2022-2023 tiếp tục triển khai chương trình giáo dục phổ thông 2018 theo tinh thần Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI “Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”.

- Chương trình giáo dục phổ thông 2018 được xây dựng theo hướng mở, đảm bảo định hướng thống nhất và những nội dung giáo dục cốt lõi bắt buộc đối với học sinh toàn quốc, đồng thời trao quyền chủ động và trách nhiệm cho địa phương, nhà trường trong việc lựa chọn, bổ sung một số nội dung giáo dục và triển khai kế hoạch giáo dục phù hợp với đối tượng giáo dục và điều kiện của địa phương, của nhà trường góp phần đảm bảo kết nối hoạt động của nhà trường và gia đình, chính quyền và xã hội.

- Đảng và nhà nước coi giáo dục là quốc sách hàng đầu và có nhiều chính sách ưu tiên phát triển giáo dục. Có các chủ trương đúng đắn, phù hợp với giáo dục trong giai đoạn hiện nay. Các cấp lãnh đạo đã ban hành hệ thống văn bản chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, kịp thời, cụ thể.

- Các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương quan tâm chăm lo đến công tác giáo dục; Các tổ chức xã hội, các đoàn thể và cá nhân đã tham gia tích cực vào công tác huy động các nguồn lực tạo môi trường giáo dục thuận lợi cho nhà trường.

- Yêu cầu về chất lượng giáo dục của học sinh và phụ huynh ngày càng cao. 70% phụ huynh đã quan tâm đến việc học của con em và tạo điều kiện thuận lợi cho con em được học tập, luôn đồng thuận và ủng hộ với mọi kế hoạch giáo dục của nhà trường.

- Công nghệ thông tin phát triển mạnh giúp cho mọi tầng lớp nhân dân nắm bắt được thông tin về giáo dục nhanh, từ đó có sự thấu hiểu và chia sẻ đối với nhà trường trong quá trình triển khai nhiệm vụ dạy học và giáo dục.

1.1.2. Thách thức

- Trong thời kỳ hội nhập và phát triển, yêu cầu đòi hỏi của xã hội và gia đình học sinh ngày càng cao về chất lượng giáo dục.

- Chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên phải đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông. Đội ngũ phải biết khai thác, ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong đổi mới quản lý và đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng tích cực hóa hoạt động học tập của học sinh để nâng cao chất lượng.

- Năm học 2022-2023 thực hiện chương trình Giáo dục phổ thông 2018 đối với lớp 1,2,3,6,7 nhiệm vụ của nhà trường là phải cụ thể hóa mục tiêu giáo dục phổ thông, giúp học sinh biết vận dụng hiệu quả kiến thức, kỹ năng đã học vào đời sống và tự học suốt đời, biết xây dựng và phát triển hài hòa các mối quan hệ xã hội, có cá tính, nhân cách và đời sống tâm hồn phong phú, nhờ đó có được cuộc sống có ý nghĩa và đóng góp tích cực vào sự phát triển của đất nước và nhân loại.

- Để đạt được được các mục tiêu lớn của chương trình giáo dục phổ thông 2018, cần phải có đầy đủ các yếu tố về CSVC, về con người nhưng cả hai nội dung này nhà trường đang hoàn toàn phụ thuộc vào chính quyền cấp trên.

Tình hình kinh tế của nhân dân trên địa bàn xã Đăk R'Moan những năm gần đây rất khó khăn khi giá nông sản (tiêu, cà phê, điều...) ngày càng thấp. Công tác phối hợp GD giữa gia đình và nhà trường gặp khó khăn ảnh hưởng trực tiếp đến việc tự học, tự nghiên cứu bài của các em ở nhà; Có khoảng 60% gia đình học sinh có điều kiện kinh tế khó khăn, các em là nguồn lao động chính của gia đình nên điều kiện học tập của các em có rất nhiều

Nguồn ngân sách của địa phương cấp hỗ trợ hàng năm cho nhà trường còn ít nên việc đầu tư xây dựng CSVC và mua sắm thiết bị dạy học để phục vụ đổi mới GD chưa đảm bảo.

Phụ huynh là người dân tộc thiểu số chiếm khoảng 14%, họ chủ yếu lo làm nương rẫy, chưa thực sự quan tâm đúng mức đến việc học tập của con em những năm gần đây đã có sự tiến bộ trong nhận thức nhưng cũng chỉ khoảng 40% phụ huynh có quan tâm, chăm lo đến việc học tập của con em. Học sinh người DTTS còn thụ động trong học tập, việc phát huy năng lực HS khó thực hiện.

1.2. Bối cảnh bên trong

1.2.1. Điểm mạnh

- Đội ngũ CBQL gồm 02 đồng chí trong đó 01 đồng chí có trình độ thạc sĩ. Ban giám hiệu nhà trường luôn năng động, sáng tạo trong công tác quản lý, chỉ đạo, tác phong làm việc nghiêm túc khoa học tác động và quyết định lớn đến chất lượng giáo dục của nhà trường

- Đội ngũ giáo viên có trình độ đạt chuẩn cao đảm bảo tiếp cận tốt chương trình phổ thông năm 2018 nhà trường có đủ giáo viên giảng dạy các bộ môn theo quy định, có 89% giáo viên tích cực trong việc đổi mới PP, tổ chức hoạt động dạy học.

- Giáo viên đạt giáo viên giỏi tỉnh 10 đồng chí (37,04%). Giáo viên dạy giỏi cấp thành phố 23 đồng chí (82,14%). Giáo viên chủ nhiệm giỏi 10 đồng chí (35,71%).

- 93.96% học sinh chăm ngoan và có ý thức trong học tập và rèn luyện. 100% hạnh kiểm khá, tốt; 40.12 % học sinh học lực khá, giỏi.

- CSVC nhà trường cơ bản đáp ứng các tiêu chí trường chuẩn quốc gia. Kinh phí nhà nước cấp hàng năm đảm bảo chi lương và chi thường xuyên.

- Nhà trường có truyền thống dạy tốt, học tốt 5 năm liên tục được UBND tỉnh khen tập thể lao động tiên tiến, xuất sắc. Nhà trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1 năm học 2019-2020.

- Tổ chức dạy – học đủ các bộ môn theo quy định. Chú trọng đổi mới PPDH và kiểm tra đánh giá theo quy định của ngành.

- Nhà trường có đủ số phòng học cho 18 lớp đảm bảo mỗi lớp có 01 phòng học riêng, có 05 phòng học bộ môn, máy chiếu và mạng Internet, thuận lợi cho việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và dạy học.

- Trường có sân chơi bãi tập rộng rãi, thoáng mát đảm bảo cho học sinh vui chơi và luyện tập thể dục thể thao.

- Cán bộ quản lý nhà trường là cán bộ quản lý cốt cán của tỉnh, thành phố được tham gia tập huấn chương trình phổ thông mới. Biết tranh thủ sự chỉ đạo sát sao của các cấp lãnh đạo và tạo lập được sự phối hợp chặt chẽ của ban chấp hành thường trực phụ huynh học sinh.

- Giáo viên tổng phụ trách đội có năng lực chuyên môn vững vàng, năng động, sáng tạo trong việc thực hiện nhiệm vụ công tác Đội.

- Học sinh ngoan, hiền, lễ phép. Đạt khoảng 90% học sinh ý thức tốt về tầm quan trọng của việc học tập cho tương lai sau này.

- 100% học sinh đến trường được phụ huynh đầu tư mua trang phục, cặp đựng sách vở và đồ dùng học tập đầy đủ.

1.2.2. Điểm yếu

- Năng lực dạy học liên môn còn hạn chế ảnh hưởng đến kế hoạch đổi mới dạy học trong nhà trường.

- 10% học sinh ý thức học tập chưa tốt; Kỹ năng tự học, hoạt động nhóm cũng như kỹ năng sống của học sinh còn hạn chế mất nhiều thời gian để hình thành năng lực cho học sinh, nhất là hs lớp 1. 20% học sinh học lệch, học không đồng đều về các môn; 50% học sinh còn yếu về môn Anh văn.

- Đồ dùng, thiết bị dạy học chưa đầy đủ.

- Các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, giáo dục kỹ năng còn ít dẫn đến kế hoạch giáo dục kỹ năng sống và vận dụng kiến thức vào thực tiễn cho HS chưa hiệu quả.

- 67% Học sinh là người DTTS còn thụ động trong học tập, việc phát huy năng lực HS khó thực hiện.

2. Mục đích TĐG

Mục đích của tự đánh giá là nhà trường tự xem xét, tự kiểm tra, xác định được hiện trạng, các điểm mạnh, điểm yếu của từng tiêu chí, xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng và các biện pháp thực hiện để đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Tự đánh giá là một bước quan trọng trong quá trình kiểm định chất lượng giáo dục.

Bản báo cáo tự đánh giá này là một văn bản quan trọng để nhà trường cam kết thực hiện các hoạt động cải tiến và nâng cao chất lượng giáo dục cho từng tiêu chí theo kế hoạch đề ra.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động TĐG

Tự đánh giá của trường TH&THCS Phan Đình Giót được thực hiện đúng quy trình mà Bộ Giáo dục và Đào tạo đã hướng dẫn:

1. Thành lập hội đồng tự đánh giá.
2. Xây dựng kế hoạch tự đánh giá.
3. Thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng.
4. Đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí.
5. Viết báo cáo tự đánh giá.
6. Công bố báo cáo tự đánh giá.

Thời gian thực hiện:

Tháng 10:

- Thành lập Hội đồng tự đánh giá công tác kiểm định chất lượng giáo dục năm học 2022-2023

- Xây dựng kế hoạch tự đánh giá công tác kiểm định chất lượng giáo dục năm học 2022-2023

Tháng 11:

- Họp Hội đồng tự đánh giá để thảo luận mục đích, phạm vi, thời gian biểu.

- Phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong Hội đồng tự đánh giá.

- Phổ biến chủ trương triển khai tự đánh giá đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường;

Tháng 12/2022 đến tháng 4/2023

- Chuẩn bị đề cương báo cáo tự đánh giá;

- Thu thập minh chứng;

- Mã hoá các minh chứng thu được;

- Cá nhân, nhóm công tác chuyên trách hoàn thiện các Phiếu đánh giá tiêu chí.

- Hội đồng tự đánh giá đề:
- + Thảo luận về những vấn đề nảy sinh từ các minh chứng thu được;
- + Xác định những minh chứng cần thu thập bổ sung;
- + Điều chỉnh đề cương báo cáo tự đánh giá và xây dựng đề cương
- Thu thập, xử lý minh chứng bổ sung (nếu cần thiết);
- Thông qua đề cương chi tiết báo cáo tự đánh giá .
- Dự thảo báo cáo tự đánh giá;
- Kiểm tra lại minh chứng được sử dụng trong báo cáo tự đánh giá.
- Hội đồng tự đánh giá đề thảo luận dự thảo báo cáo tự đánh giá;
- Hội đồng tự đánh giá họp với các giáo viên, nhân viên trong trường để thảo luận về báo cáo tự đánh giá, xin các ý kiến góp ý;

Tháng 5/2023:

- Hoàn thiện báo cáo tự đánh giá.
- Hội đồng tự đánh giá đề thông qua báo cáo tự đánh giá đã sửa chữa;
- Công bố báo cáo tự đánh giá trong nội bộ nhà trường và thu thập các ý kiến đóng góp.
- Xử lý các ý kiến đóng góp và hoàn thiện báo cáo tự đánh giá
- Công bố báo cáo tự đánh giá đã hoàn thiện (trong nội bộ nhà trường)
- Nộp báo cáo tự đánh giá
- Công bố rộng rãi báo cáo tự đánh giá

Về phạm vi, phương pháp và công cụ đánh giá đánh giá cơ sở trường bao quát toàn bộ các hoạt động của nhà trường theo 28 tiêu chí được quy định tại Thông tư số 18/2018/TT - BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Tất cả các bước trên đều được thực hiện đúng hướng dẫn và đảm bảo tính dân chủ, công khai, khoa học, khẩn trương nhưng cẩn trọng.

Đề báo cáo tự đánh giá đảm bảo tính chính xác, trung thực, khách quan, hội đồng tự đánh giá đã tiến hành đánh giá bằng nhiều phương pháp khác nhau, trong đó chủ yếu là bằng phương pháp khảo sát thực tế tất cả các mặt hoạt động của nhà trường liên quan đến nội dung bộ tiêu chí: thu thập minh chứng, so sánh, đối chiếu và phân tích các dữ liệu có liên quan của nhà trường để viết báo cáo tự đánh giá.

Nhà trường tiến hành triển khai công tác tự đánh giá từ tháng 11/2022 và theo kế hoạch sẽ hoàn thành bước đầu vào tháng 05/2023. Trong suốt thời gian tiến hành công tác tự đánh giá, hiệu trưởng và phó hiệu trưởng đã huy động sự toàn thể đội ngũ cán bộ giáo viên công nhân viên và Ban đại diện cha mẹ học sinh cùng tham gia.

Tuy nhiên lực lượng nòng cốt làm việc tích cực vẫn là các thành viên của Hội đồng tự đánh giá. Mặc dù các thành viên trong Hội đồng tự đánh giá đều phải đảm nhiệm và hoàn thành những công việc được giao trong năm nhưng tất cả đều nhận thức đúng đắn về mục đích, lý do của công tác tự đánh giá nên đều dành thời gian ngoài giờ làm việc của mình để hoàn thành nhiệm vụ mà Hội đồng tự đánh giá giao cho.

Để công tác tự đánh giá được tiến hành thuận lợi và có hiệu quả, Hội đồng tự đánh giá của trường đã xác định rõ các nguồn nhân lực, cơ sở vật chất, nguồn tài chính cần huy động. Kế hoạch tự đánh giá của trường còn thể hiện từng hoạt động đánh giá chất lượng giáo dục và thời gian cần được tiến hành. Công việc dự kiến các thông tin minh chứng cần thu thập cho từng tiêu chí được Hội đồng xác định và phân công một cách cụ thể, khoa học. Để chủ động về thời gian hoàn thành báo cáo, nhà trường đã lập thời gian biểu để hoàn thành quá trình tự đánh giá. Nhờ đó mà tiến độ làm việc được đảm bảo, chất lượng cũng tương đối hiệu quả. Sau khi hoàn thành các phiếu đánh giá tiêu chí, Hội đồng tự đánh giá đã tiến hành viết báo cáo.

Những vấn đề nổi bật của nhà trường trong báo cáo tự đánh giá là: Báo cáo được trình bày lần lượt từng tiêu chí của từng tiêu chuẩn. Mỗi tiêu chí đều được mô tả rõ ràng, cụ thể hiện trạng của nhà trường cần đạt được trong mỗi tiêu chí. Sau khi mô tả hiện trạng, báo cáo tự đánh giá còn đề cập tới những điểm mạnh, điểm yếu của nhà trường và đặc biệt một nội dung quan trọng, rất cần thiết trong mỗi tiêu chí đó là kế hoạch cải tiến, phát huy những điểm mạnh, đề ra các biện pháp khắc phục điểm yếu, tuy ngắn gọn nhưng rõ ràng và có tính khả thi.

Nhà trường đã cơ bản hoàn thành công tác tự đánh giá. Đó là sự tập trung trí tuệ cao của tập thể CBGVNV. Đây là sự kiện đánh dấu bước ngoặt quan trọng trong sự nghiệp phát triển giáo dục của nhà trường, của địa phương, là nền tảng vững chắc để nhà trường đăng ký kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục mức độ 2 trong những năm tiếp theo.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu:

100% CBGV và học sinh luôn chấp hành tốt các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, của địa phương và sự lãnh đạo, chỉ đạo của cơ quan quản lý giáo dục các cấp

Nhà trường có đầy đủ các loại hồ sơ phục vụ hoạt động giáo dục; Sổ đăng bộ, sổ theo dõi học sinh chuyển đi, chuyển đến, sổ theo dõi phổ cập giáo dục; sổ gọi tên ghi điểm, sổ đầu bài,...

Các hoạt động giáo dục trong và ngoài nhà trường có đầy đủ, hàng năm đầu năm học nhà trường tổ chức hội nghị CNVC triển khai kế hoạch nhiệm vụ năm học, được hội nghị thông qua, bằng các chỉ tiêu, nghị quyết, triển khai kế hoạch năm học...

Nhà trường có đầy đủ hệ thống các văn bản quy định về quản lý tài chính, tài sản và lưu trữ hồ sơ, chứng từ theo quy định, có sổ quản lý theo dõi tài sản, theo dõi thiết bị dạy học.

Nhà trường có phương án đảm bảo an ninh trật tự; phòng chống tai nạn thương tích, cháy nổ; phòng tránh các hiểm họa thiên tai; phòng chống dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm; phòng tránh các tệ nạn xã hội của nhà trường.

Hàng năm nhà trường đã tổ chức tuyên truyền cho CBGV, học sinh và phụ huynh học sinh thực hiện các Chỉ thị, Nghị quyết của Chính phủ về đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, an toàn giao thông, rèn luyện các kỹ năng sống cho học sinh.

Chiến lược phát triển của Nhà trường nhằm phát huy tiềm năng của đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên nâng cao chất lượng dạy và học, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Để thực hiện sứ mạng, trong từng giai đoạn phát triển, mục tiêu của nhà trường luôn được xem xét, điều chỉnh, hoàn thiện, phù hợp với đặc điểm tình hình và nhiệm vụ mới.

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1:

a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo, sở giáo dục và đào tạo.

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Căn cứ vào tình hình thực tế của nhà trường và địa phương, của từng năm học, tháng 10 năm 2020 nhà trường đã hoàn thành “Kế hoạch chiến lược phát triển trường tiểu học và trung học cơ sở Phan Đình Giót, thành phố Gia Nghĩa giai đoạn 2020 -2025 và tầm nhìn đến 2030” với sự tham gia đóng góp ý kiến của toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh nhà trường [H1 – 1.1 – 01].

Các mục tiêu trong chiến lược phát triển phù hợp với mục tiêu giáo dục phổ thông cấp Trung học cơ sở và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường có các thông tin, chỉ tiêu phù hợp với định hướng trong Nghị quyết Đảng bộ xã Đăk R'Moan [H1 – 1.1 – 02].

Nội dung chiến lược phát triển nhà trường phù hợp với các nguồn lực về nhân lực, tài chính, cơ sở vật chất. Chiến lược phát triển của nhà trường giúp học sinh phát triển toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kỹ năng cơ bản khác, hình thành nhân cách con người Việt Nam xã hội chủ nghĩa; học sinh có học vấn phổ thông trình độ cơ sở và những hiểu biết ban đầu về kỹ thuật và hướng nghiệp để tiếp tục học trung học phổ thông, học trung học chuyên nghiệp, học nghề [H1 – 1.1 – 03].

b) Nhà trường có xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được xác định rõ ràng bằng văn bản, được cấp quản lý trực tiếp phê duyệt [H1-1.1 – 01].

c) Nhà trường thông báo công khai, kịp thời phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường dưới hình thức niêm yết tại văn phòng nhà trường và bảng tin ngoài trời để cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh và CMHS biết, phối hợp thực hiện.

Mức 2:

Hằng năm, nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển [H1 – 1.1 – 04].

Mức 3:

Từng năm học, nhà trường đều tổ chức rà soát, đối chiếu với các chỉ tiêu trong phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường, xem có phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn. Từ đó, có các biên bản bổ sung, điều chỉnh những nội dung và có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường, các tổ chức đoàn thể trong nhà trường [H1 – 1.1 – 05].

2. Điểm mạnh

Chiến lược phát triển của nhà trường được xây dựng sát với thực tế, phù hợp với mục tiêu giáo dục của cấp học, tình hình cơ sở vật chất, tài chính của nhà trường và phù hợp định hướng phát triển kinh tế - xã hội của xã Đăk R'Moan.

Kế hoạch chiến lược đã được phê duyệt, thông báo công khai và lưu trữ đầy đủ.

3. Điểm yếu

Vẫn còn một số CMHS ít quan tâm đến chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục thực hiện tốt các mục tiêu trong chiến lược phát triển nhà trường trong những năm tiếp theo.

Phổ biến chiến lược phát triển của nhà trường đến cha mẹ học sinh trong các cuộc họp CMHS định kỳ hàng năm.

Tiếp tục đăng tải nội dung phương hướng chiến lược lên các phương tiện thông tin đại chúng để thông tin rộng rãi đến cha mẹ học sinh và các cấp quản lý.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác

Mức 1:

- a) Được thành lập theo quy định;
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hội đồng trường được thành lập theo Quyết định số 160/QĐ-PGD, ngày 07/10/2016 của phòng Giáo dục và đào tạo thị xã Gia Nghĩa và hoạt động theo quy định tại Điều lệ trường trung học [H1 – 1.2 – 01].

Các hội đồng khác:

- Hằng năm nhà trường thành lập Hội đồng thi đua khen thưởng bao gồm có các thành viên trong BGH, thư ký hội đồng, các tổ trưởng chuyên môn, Chủ tịch Công đoàn, Bí thư Chi đoàn, Tổng phụ trách Đội thiếu niên. Hội đồng có chức năng nhiệm vụ thực hiện việc tổ chức xét duyệt thi đua vào cuối mỗi năm học, đồng thời đề nghị tuyên dương khen thưởng những cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao [H1 – 1.2 – 02].

- Ngoài ra, nhà trường còn có Hội đồng tư vấn khác như: Hội đồng tuyển sinh có nhiệm vụ tham gia hỗ trợ và kiểm tra hồ sơ học sinh đầu cấp tuyển vào nhà trường; Hội đồng xét tốt nghiệp THCS có nhiệm vụ xét và đề nghị công nhận hoàn thành tốt nghiệp bậc THCS cho học sinh lớp 9; Trong đánh giá tay nghề giáo viên và năng lực của công nhân viên chức, trường cũng thành lập Hội đồng thi giáo viên giỏi và xét sáng kiến kinh nghiệm nhằm đẩy mạnh các hoạt động và các phong trào thi đua của từng cá nhân, phát huy hiệu quả trong nhiệm vụ được giao đồng thời rút kinh nghiệm cho các mặt còn hạn chế, yếu kém [H1 – 1.2 – 03].

Hội đồng trường thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo Quy định tại Điều 20 Điều lệ trường trung học; Hội đồng Thi đua, khen thưởng, các Hội đồng tư vấn khác thực hiện theo điều 21 Điều lệ trường trung học [H1 – 1.2 – 04].

Định kì các hội đồng đều có rà soát, đánh giá để rút kinh nghiệm qua các phong trào thi đua. Từ đó, có các giải pháp điều chỉnh, bổ sung để thực hiện có hiệu quả [H1 – 1.2 – 05].

Mức 2:

Hội đồng trường và các hội đồng khác luôn luôn hoạt động có hiệu quả thông qua các phong trào thi đua, các hoạt động giảng dạy và giáo dục học sinh góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường [H1 – 1.1 – 03].

2. Điểm mạnh

Hội đồng trường và các hội đồng khác hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 20,21 Điều lệ trường trung học và các quy định của pháp luật.

3. Điểm yếu

Công tác rà soát và công tác đánh giá đôi khi còn chậm so với kế hoạch.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Thực hiện nghiêm túc công tác rà soát, đánh giá đúng thời gian quy định.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1:

- a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;
- b) Hoạt động theo quy định;
- c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

- a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;
- b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực trong các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;
- b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp hiệu quả trong các hoạt động nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Các đoàn thể và các tổ chức khác trong nhà trường như Công đoàn, Đoàn thanh niên và Đội thiếu niên có cơ cấu tổ chức theo quy định [H1 – 1.3 – 01], [H1 – 1.3 – 02].

Công đoàn, Đội Thiếu niên Tiên phong Hồ Chí Minh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh hoạt động theo quy định của pháp luật và Điều lệ của từng tổ chức nhằm giúp nhà trường thực hiện mục tiêu giáo dục [H1 – 1.3 – 03].

Công đoàn, Chi đoàn, Liên đội hằng tháng đều có sinh hoạt định kỳ, cuối kỳ sơ kết và cuối nhiệm kỳ tổng kết rà soát đánh giá rút kinh nghiệm đồng thời bổ sung kế hoạch hoạt động thời gian tới; tư vấn cho Hiệu trưởng thực hiện nhiệm vụ đảm bảo nghị quyết, kế hoạch đề ra [H1 – 1.1 – 03].

Mức 2:

Chi bộ nhà trường có 17 đảng viên (đảng viên chính thức 17) hoạt động theo khuôn khổ Hiến pháp và Điều lệ của Đảng cộng sản Việt Nam [H1 – 1.3 – 06]; trong 05 năm liên tiếp chi bộ nhà trường đều được Đảng ủy xã Đăk R'Moan đánh giá hoàn thành tốt và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ [H1 – 1.3 – 04].

Hằng năm, dưới sự chỉ đạo của cấp ủy và lãnh đạo nhà trường tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên và Đội thiếu niên thường xuyên phối hợp với nhau nhằm giáo dục, rèn luyện học sinh không chỉ học tập thật tốt mà còn rèn luyện sức khỏe, đạo đức, giáo dục các em có ý thức giữ gìn vệ sinh, lao động, tuyên truyền cho học sinh về ATGT, phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống đuối nước cho học sinh. Các hoạt động trên thường được tổ chức thông qua các buổi chuyên đề, ngoại khóa và hoạt động NGLL trong năm học [H1 – 1.3 – 05].

Mức 3:

Trong năm 2021 chi bộ trường TH&THCS Phan Đình Giót đạt hoàn thành tốt nhiệm vụ [H1 – 1.3 – 06].

Các tổ chức đoàn thể thường xuyên phối hợp, kịp thời tham mưu với nhà trường và địa phương trong các phong trào thi đua cũng như giáo dục đạo đức học sinh. Hàng năm đều được các cấp có thẩm quyền đánh giá Công đoàn vững mạnh; Chi đoàn vững mạnh, Liên đội vững mạnh [H1 – 1.3 – 04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ các tổ chức chính trị, xã hội, các đoàn thể đoàn thể theo Điều lệ trường trung học. Các tổ chức làm việc có kế hoạch, tổ chức các hoạt động, phong trào thi đua sôi nổi và hiệu quả, tạo được môi trường sư phạm thân thiện và an toàn, đã tổ chức hoạt động theo đúng quy định; thể hiện tốt vai trò lãnh đạo, tư vấn cho hiệu trưởng thực hiện nhiệm vụ thuộc trách nhiệm và quyền hạn của mình.

3. Điểm yếu

Chất lượng sinh hoạt và công tác tham mưu của tổ chức Đoàn thanh niên chưa kịp thời hiệu quả chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục duy trì đầy đủ các tổ chức chính trị, xã hội, đoàn thể để phát huy hơn nữa vai trò lãnh đạo, phối hợp, tư vấn của các tổ chức trong nhà trường.

Nâng cao hiệu quả sinh hoạt của Đoàn thanh niên và tham mưu kịp thời các kế hoạch trong năm học.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1:

- a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Mức 2:

- a) Hàng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;
- b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

Mức 3:

- a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động trong nhà trường;
- b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a. Trường TH&THCS Phan Đình Giót hiện nay có 01 Hiệu trưởng và 01 phó Hiệu trưởng theo quy định tại Điều lệ trường học. Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng do UBND thành phố Gia Nghĩa bổ nhiệm [H1 – 1.4 – 01].

b. Nhà trường có 2 tổ chuyên môn cấp THCS (tổ Tự nhiên, tổ Xã hội), 3 tổ khối cấp tiểu học và một Tổ văn phòng.

Cơ cấu tổ chức của tổ chuyên môn theo quy định tại Điều lệ trường học [H1 – 1.4 – 02].

Cơ cấu tổ chức của Tổ văn phòng theo quy định tại điều lệ trường học [H1 – 1.4 – 02].

c. Vào đầu mỗi năm học, các tổ trưởng chuyên môn căn cứ vào kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học của nhà trường để xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ về thực hiện chương trình, kế hoạch dạy học và các hoạt động khác theo năm học, tháng. Các tổ chuyên môn trong nhà trường bám sát sự chỉ đạo của cấp trên và kế hoạch của nhà trường để thực hiện nhiệm vụ theo Điều lệ trường học. Tổ Văn phòng: Xây dựng kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ theo sự phân công của Hiệu trưởng: Văn thư bảo quản an toàn - khoa học, phối hợp cùng giáo viên kiểm tra các loại hồ sơ theo quy định. Kế toán tài vụ quản lý tài chính, cập nhật thu chi đúng quy định. Nhân viên thiết bị - vi tính, thư viện lập kế hoạch dự trù mua sắm, bổ sung thay thế những vật dụng hư hỏng hoặc tự làm thêm ĐDDH, giới thiệu sách, đồ dùng dạy học mới đến với giáo viên; quản lý, bảo trì thường xuyên tài sản do mình phụ trách. Nhân viên bảo vệ đảm bảo an toàn, an ninh, trật tự, phòng chống cháy nổ, bảo vệ tài sản, vệ sinh môi trường. Y tế chăm sóc sức khỏe cán bộ, giáo viên, học sinh, giáo dục thể chất; y tế trường học, kiểm tra vệ sinh môi trường, lập kế hoạch mua sắm thuốc y tế, quản lý hồ sơ y tế học đường [H1 – 1.4 – 03], [H1 – 1.4 – 04].

Mức 2:

a. Từng năm học các thành viên trong tổ chuyên môn đều được phân công thực hiện ít nhất một chuyên đề /tổ /tháng. Các chuyên đề dạy học được thiết kế, thảo luận trong tổ chuyên môn và triển khai thực hiện nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục. Vận dụng các phương pháp dạy học theo hướng phát triển năng lực và phẩm chất người học, rèn luyện phương pháp tự học của học sinh, các hoạt động ngoại khóa, đặc biệt chú trọng giáo dục kỹ năng sống nhằm phát triển toàn diện và bồi dưỡng năng khiếu, các hoạt động vui chơi, trải nghiệm thực tế, giao lưu văn hoá, giáo dục môi trường; hoạt động từ thiện và các hoạt động xã hội khác phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi học sinh [H1 – 1.4 – 05].

b. Hằng tháng các hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng được nhà trường kiểm tra đánh giá điều chỉnh [H1 – 1.1 - 04].

Mức 3:

a. Hoạt động của tổ chuyên môn trong năm học có nhiều đóng góp trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường. Hoạt động của tổ văn phòng trong năm học có nhiều đóng góp trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường. [H1 – 1.1 – 03].

b. Trong năm học Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục [H1 – 1.4 – 05].

2. Điểm mạnh

Cán bộ quản lý đảm bảo được các tiêu chuẩn về trình độ chính trị, phẩm chất đạo đức, chuyên môn nghiệp vụ theo quy định.

Các chuyên đề được thực hiện đều đặn, đúng tiến độ nhằm rút kinh nghiệm trong công tác giảng dạy và giáo dục học sinh.

3. Điểm yếu

Kinh phí đầu tư tổ chức các chuyên đề còn ít chưa đáp ứng được công sức đầu tư của giáo viên

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiết kiệm chi thường xuyên giành kinh phí nhiều hơn đầu tư cho các chuyên đề dạy học trong năm học.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.5: Lớp học

Mức 1:

- a) Có đủ các lớp của cấp học;
- b) Học sinh được tổ chức theo lớp; lớp học được tổ chức theo quy định;
- c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.

Mức 2:

Sĩ Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Số học sinh trong lớp theo quy định.

Mức 3:

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Mỗi lớp ở cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông có không quá 40 (bốn mươi) học sinh, lớp tiểu học không quá 35 (ba mươi lăm) học sinh (nếu có). Số học sinh trong lớp của trường chuyên biệt theo quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của trường chuyên biệt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a. Nhà trường có đủ 9 khối lớp từ khối 1 đến khối 9, các lớp của mỗi khối được biên chế từ đầu năm học [H1 – 1.5 – 01].

b. Theo quy định tại điều lệ trường học thì nhà trường tổ chức phân chia học sinh theo lớp. Mỗi lớp đều có một lớp trưởng và hai lớp phó do tập thể lớp bầu ra đầu năm học. Mỗi lớp được chia thành 4 tổ học sinh. Mỗi tổ không quá 12 học sinh, có tổ trưởng, 01 tổ phó do các thành viên của tổ bầu ra vào đầu mỗi năm học [H1 – 1.5 – 02].

c. Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ: lớp trưởng quản lý các hoạt động, phong trào chung của lớp, tổ trưởng quản lý hoạt động phong trào của Tổ, các chức danh lớp trưởng, lớp phó, tổ trưởng, tổ phó được lớp bầu chọn một cách dân chủ [H1 – 1.5 – 03].

Mức 2:

Nhà trường có số học sinh trong một lớp bình quân khoảng 30 học sinh, đảm bảo theo quy định của Điều lệ trường học [H1 – 1.5 – 04].

Mức 3:

Nhà trường có 18 lớp, mỗi lớp khoảng 30 học sinh được biên chế ngay từ đầu năm học [H1 – 1.5 – 04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường tổ chức biên chế lớp, ban cán sự lớp đảm đúng theo đúng quy định của Điều lệ trường trung học.

3. Điểm yếu

Số học sinh/lớp vẫn còn ít, tình trạng học sinh bỏ học trong năm học vẫn còn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tăng cường công tác tuyên truyền và vận động học sinh đến trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

- a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;
- b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;
- c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2:

- a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và trung hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a. Nhà trường lưu trữ và bảo quản đầy đủ hệ thống hồ sơ sổ sách theo quy định của Luật lưu trữ, Điều lệ trường học. Các hồ sơ sổ sách hành chính được lưu trữ tại văn phòng [H1 – 1.6 – 01].
- b. Hằng năm, nhà trường thực hiện lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, tài chính, tài sản nhà nước đúng theo quy định. Xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ rõ ràng, quy chế sẽ có hiệu lực sau khi đã thống nhất trong Hội nghị Cán bộ Công chức [H1 – 1.6 – 02].

c. Hằng năm, bộ phận tài chính có quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục [H1 – 1.6 – 03].

Mức 2:

a. Nhà trường sử dụng các phần mềm trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản như phần mềm CSDL ngành, phần mềm quản lý tài chính, tài sản Misa, phần mềm edu.vn [H1 – 1.6 – 04].

b. Trong 05 năm liên tiếp nhà trường không vi phạm đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán [H1 – 1.6 – 05].

Mức 3:

Nhà trường xây dựng cụ thể kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện đầy đủ các quy định của Nhà nước về công tác quản lý tài chính và tài sản.

Ứng dụng tốt công nghệ thông tin trong quản lý hành chính.

Nhà trường thực hiện tốt công khai tài chính.

3. Điểm yếu

Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý tài chính và tài sản của nhà trường còn chưa hiệu quả.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tăng cường và thường xuyên ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý tài chính, tài sản của nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a. Hằng năm, nhà trường có xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên [H1 – 1.7 – 01].

b. Nhà trường có phân công và sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý theo năng lực và sở trường công tác của từng cá nhân [H1 – 1.7 – 02] . Vì vậy chất lượng của các hoạt động giáo dục của trường đạt hiệu quả cao.

c. Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định tại Điều lệ trường học và các văn bản hiện hành khác [H1 – 1.7 – 03].

Mức 2:

Nhà trường luôn tạo điều kiện thuận lợi về thời gian, cơ sở vật chất để cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên phát huy việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục phù hợp với sở trường và năng lực của từng cá nhân [H1 – 1.7 – 04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện tốt kế hoạch bồi dưỡng, phát triển đội ngũ hằng năm. Phân công sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên hợp lý và đảm bảo các hoạt động của nhà trường.

Các cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Nhà trường có kế hoạch phân công nhiệm vụ cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên phù hợp với sở trường và năng lực tạo điều kiện cho đội ngũ phát huy năng lực của mình.

3. Điểm yếu

Một số giáo viên trẻ còn thiếu kinh nghiệm trong công tác chủ nhiệm lớp và giáo dục học sinh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Xây dựng kế hoạch tự bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ. Tăng cường sự hỗ trợ nghề nghiệp và học tập lẫn nhau, chia sẻ kinh nghiệm trong công tác chủ nhiệm và giáo dục học sinh để cùng tiến bộ và phát triển.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả. Quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm trong nhà trường theo quy định (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a. Nhà trường xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục theo Điều lệ trường học phù hợp với quy định hiện hành [H1 - 1.7 - 04].

b. Nhà trường thực hiện đầy đủ các kế hoạch dạy học theo thời khóa biểu, thể hiện chi tiết trên sổ ghi đầu bài [H1 – 1.8 – 01].

c. Nhà trường tiến hành rà soát, đánh giá, điều chỉnh kế hoạch hoạt động giáo dục theo định kỳ. [H1 – 1.8 – 02].

Mức 2:

Nhà trường luôn có các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả [H1 – 1.8 – 03].

Nhà trường quản lý và tổ chức dạy thêm, học thêm trong nhà trường theo quy định tại Thông tư số 17/2012/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 5 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Quy định về dạy thêm và học thêm và các văn bản chỉ đạo của ngành giáo dục và ủy ban nhân dân thành phố Gia Nghĩa [H1 – 1.8 – 04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường tổ chức và thực hiện tốt các hoạt động giáo dục và quản lý học sinh theo Điều lệ trường học thông qua các kết quả đạt được trong từng năm học.

3. Điểm yếu

Việc cập nhật thông tin và lưu trữ hồ sơ sổ sách của một số bộ phận, giáo viên chưa khoa học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tăng cường công tác kiểm tra và nhắc nhở các bộ phận, giáo viên để lưu trữ hồ sơ và cập nhật thông tin hai chiều kịp thời.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm, nhà trường tổ chức Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, trong hội nghị cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đều được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến [H1 – 1.9 – 01].

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của cán bộ, giáo viên, nhân viên, phụ huynh và học sinh nếu thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đầy đủ, đúng pháp luật [H1- 1.9 - 02].

c) Hàng năm nhà trường thực hiện báo cáo qui chế dân chủ cơ sở đầy đủ [H1 – 1.9 – 03].

Mức 2:

Nhà trường luôn có các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ thông qua báo cáo của Ban thanh tra nhân dân hàng năm đảm bảo công khai, minh bạch [H1- 1.9 -04]

2. Điểm mạnh

Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường luôn được thực hiện tốt. Trong quá trình hoạt động, nhà trường luôn công khai các văn bản ban hành, hoặc công khai tài chính được niêm yết tại đơn vị của cơ quan trong thời gian 30 ngày liên tục.

3. Điểm yếu

Công tác giám sát thực hiện Quy chế dân chủ đôi lúc chưa kịp thời.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục phát huy việc xây dựng kế hoạch phù hợp đúng quy định và thực hiện giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường đạt hiệu quả.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho học sinh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm, nhà trường xây dựng các phương án: Đảm bảo an ninh trật tự; an toàn phòng chống tai nạn thương tích; an toàn phòng chống cháy, nổ; an toàn phòng chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn của xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường [H1 – 1.10 – 01].

b) Nhà trường có bộ phận tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân để kịp thời xử lý các thông tin, sự việc cần thiết từ học sinh và phụ huynh; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường [H1 – 1.10 – 02].

c. Nhà trường không có hiện tượng kì thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới.

Mức 2:

a) Tất cả cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường đều được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường [H1 – 1.10 – 03]

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự. Khi phát hiện có hiện tượng liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

2. Điểm mạnh

Nhiều năm qua, nhà trường đã có nhiều biện pháp đảm bảo tình hình an ninh, trật tự, an toàn cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh; phòng chống bạo lực học đường, phòng chống dịch bệnh, ngăn chặn tệ nạn xã hội xâm nhập vào nhà trường.

Liên hệ với các tổ chức và chuyên gia tập huấn trực tiếp cho các em như: phòng cháy chữa cháy; phòng, chống xâm hại tình dục, đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống cháy nổ, phòng chống thảm họa thiên tai, phòng chống dịch bệnh, bạo lực học đường, ngăn chặn tệ nạn xã hội xâm nhập vào nhà trường.

3. Điểm yếu

Vẫn còn một số học sinh mất trật tự, chưa chú ý, tiếp thu các nội dung trong các buổi tuyên truyền.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường phải thay đổi hình thức tuyên truyền để thu hút sự hợp tác của học sinh.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3**Kết luận về Tiêu chuẩn 1:**

Công tác tổ chức và quản lý nhà trường có cơ cấu tổ chức đúng theo điều lệ trường THCS. Các tổ chức, đoàn thể: Công đoàn, Chi đoàn giáo viên, Liên đội, các tổ chuyên môn đều hoạt động đồng bộ, phối hợp tốt, đều tay để hoàn thành tốt nhiệm vụ từng năm học.

+ **Tổng số tiêu chí của tiêu chuẩn: 10**

+ **Số tiêu chí đạt: 9**

+ **Số tiêu chí không đạt: 1**

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

- Không đạt: 0/10 tiêu chí chiếm 0 %
- Đạt Mức 1: 10/10 (10/10) tiêu chí chiếm 100 %
- Đạt Mức 2: 10/10 (10/10) tiêu chí chiếm 100 %
- Đạt Mức 3: Đạt Mức 3: 10/10 (5/5) tiêu chí chiếm 100 %

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh

Mở đầu:

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên của nhà trường thường xuyên được đào tạo và bồi dưỡng, có khả năng đáp ứng các nhu cầu công tác. Đội ngũ CBQL và GV không chỉ được nâng cao về trình độ chuyên môn mà còn cả về ngoại ngữ. Công tác đào tạo lại cho đội ngũ cán bộ của nhà trường cũng được quan tâm đúng mức cả về thời gian và kinh phí. Quyền và nghĩa vụ của mỗi cán bộ viên chức được đảm bảo theo quy chế dân chủ, thông qua các hoạt động chuyên môn, đối thoại ... và cơ chế làm việc thống nhất giữa Ban Giám hiệu với các tổ chức đoàn thể.

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1:

- a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;
- b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;
- b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Hiệu trưởng nhà trường tốt nghiệp Đại học sư phạm chuyên ngành Toán, Thạc sĩ quản lý giáo dục; có năng lực quản lý và điều hành công việc tại đơn vị. Phó hiệu

trưởng nhà trường tốt nghiệp Đại học sư phạm tiểu học, có năng lực quản lý và điều hành tốt công việc được giao.

b) Trong 5 năm gần đây Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng nhà trường được đánh giá đạt chuẩn ở mức tốt, xuất sắc theo Quy định chuẩn hiệu trưởng (Thông tư 14/2018/TT-BGDĐT) [H2- 2.1-02].

c) Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng nhà trường được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

Mức 2:

a) Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng có 5 năm được đánh giá đạt chuẩn ở mức tốt, xuất sắc theo Quy định chuẩn Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng

Năm học

KQĐG chuẩn Hiệu trưởng

KQĐG chuẩn Phó hiệu trưởng

2017-2018

Tốt

2018-2019

Tốt

2019-2020

Tốt

2020-2021

Tốt

[H2-2.1-02].

b) Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định. Được giáo viên, nhân viên trong nhà trường tín nhiệm.

Mức 3:

Trong 05 năm qua, hiệu trưởng, phó hiệu trưởng nhà trường đều được đánh giá đạt chuẩn ở mức tốt, xuất sắc theo Quy định chuẩn hiệu trưởng theo Thông tư 14/2018/TT-BGDĐT [H2-2.1-02].

2. Điểm mạnh

Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng nhà trường có trình độ đào tạo đạt chuẩn về chuyên môn, có năng lực quản lí. Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng, phó hiệu trưởng theo thông tư 14/2018/TT-BGDĐT. Được giáo viên và nhân viên trong nhà trường tín nhiệm.

3. Điểm yếu

Ban giám hiệu sử dụng ngoại ngữ trong giao tiếp còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Cán bộ quản lý cần tăng cường việc tự học và sử dụng ngoại ngữ trong giao tiếp để phục vụ cho quá trình công tác.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3**Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên**

Mức 1:

- a) Số lượng, cơ cấu giáo viên đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục;
- b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;
- c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;
- c) Có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh; có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt;
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, giáo viên có báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023 tính cả giáo viên biên chế và giáo viên hợp đồng thì nhà trường có đủ số lượng, cơ cấu giáo viên theo quy định tại thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 7 năm 2017 về việc hướng dẫn danh mục vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập và các quy định khác.

Cụ thể tỉ lệ giáo viên như sau

Năm học

Số lượng giáo viên/ số lớp

Bình quân số giáo viên/ lớp

2018-2019

13/08

1.6

2019-2020

13/08

1.6

b) 88.88% giáo viên đạt chuẩn về trình độ đào tạo theo quy định tại Thông tư 32/2020/BGD&ĐT ngày 15/9/2020 về việc ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

c) Nhà trường có 88.88% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt (hoàn thành tốt nhiệm vụ) trở lên.

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỉ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp.

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có 11.12% giáo viên được đánh giá đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá.

c) Giáo viên có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm lồng ghép trong các tiết học như làm thí nghiệm môn sinh, môn hóa, thực hành đo đạc trong các tiết toán, ...; trải nghiệm trong trường như trồng cây, bón phân, làm cỏ, chăm sóc cây trồng, cắm hoa, ...

Giáo viên có khả năng định hướng nghề nghiệp, phân luồng nghề nghiệp sau THCS. Hằng năm hiệu trưởng trực tiếp giảng dạy các tiết hướng nghiệp, phối hợp với các trường cao đẳng dạy nghề Đắk Nông tổ chức tuyên truyền, phân tích, định hướng cho học sinh chọn lựa đúng hướng đi cho học sinh sau khi tốt nghiệp THCS.

Năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022 các giáo viên Triệu Thị Thao, Đinh Thị Chuyên, Đinh Việt Anh, Nguyễn Thị Hương Giang, Nguyễn Mạnh Thắng, Nguyễn Thị Trúc Hà, Nguyễn Khắc Nghị đã hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học - kĩ thuật. Kết quả có sản phẩm nghiên cứu khoa học-kĩ thuật của học sinh đạt giải cấp thành phố, cấp tỉnh.

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có giáo viên bị kỉ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Trong 5 năm liên tiếp tính tới thời điểm đánh giá nhà trường có 100% giáo viên đạt ở mức khá, tốt theo chuẩn nghề nghiệp

b) Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá có nhiều cán bộ, giáo viên đã tham gia viết sáng kiến kinh nghiệm và đạt công nhận cấp thành phố, cấp tỉnh.

2. Điểm mạnh

Đội ngũ giáo viên có trình độ đào tạo đạt chuẩn và trên chuẩn cao, có năng lực chuyên môn vững vàng, nhiệt tình và nắm vững kiến thức chuyên môn, ứng dụng tốt công nghệ thông tin trong việc đổi mới phương pháp dạy học.

3. Điểm yếu

Cơ cấu giáo viên chưa đồng bộ, còn thiếu ở một số bộ môn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tham mưu với Phòng giáo dục và UBND thành phố Gia Nghĩa để phân bổ giáo viên cho những môn còn thiếu hoặc chưa có giáo viên.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;

b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có số lượng nhân viên đáp ứng các nhiệm vụ được giao, có thể đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công: có 01 nhân viên thiết bị kiêm nhiệm thư viện, 01 nhân viên y tế học đường, 01 nhân viên văn thư-thủ quỹ, 01 nhân viên kế toán, 01 nhân viên bảo vệ hợp đồng theo Nghị định 68.

b) Nhân viên nhà trường được phân công việc phù hợp với đúng chuyên môn nghiệp vụ, năng lực thực tế của mỗi người. Phụ trách thiết bị là nhân viên biên chế có bằng trung cấp thiết bị, kiêm nhiệm thư viện. Nhân viên kế toán có bằng đại học kế toán. Nhân viên văn thư-thủ quỹ có bằng trung cấp, nhân viên y tế có bằng trung cấp.

c) Nhân viên trong nhà trường hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

a) Theo quy định tại Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 7 năm 2017 của bộ GDĐT hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập (có hiệu lực thi hành từ ngày 28 tháng 8 năm 2017) thì nhà trường đảm bảo đủ số lượng nhân viên.

b) Trong 05 năm liên tiếp tính tới thời điểm đánh giá nhà trường không có nhân viên nào bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Nhân viên của nhà trường có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên theo chuyên môn được giao (hoặc có bằng trung cấp trở lên các chuyên ngành khác phù hợp với vị trí việc làm và có chứng chỉ bồi dưỡng do cơ quan có thẩm quyền cấp).

Nhân viên bảo vệ được bồi dưỡng về nghiệp vụ được giao.

b) Hằng năm các nhân viên nhà trường được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí được phân công.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã bố trí hợp lý nhân viên theo vị trí việc làm để đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ. Đa số nhân viên đều có trình độ chuẩn và trên chuẩn, thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

Nhân viên nhà trường nhiệt tình, có trách nhiệm cao trong thực hiện nhiệm vụ, phối hợp tốt giữa các bộ phận để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

3. Điểm yếu

Nhân viên thiết bị kiêm nhân viên thư viện nên gặp một số khó khăn trong thực hiện nghiệp vụ thư viện.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tạo điều kiện để nhân viên thiết bị tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ công tác thư viện.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh

Mức 1:

- a) Đảm bảo về tuổi học sinh theo quy định;
- b) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định;
- c) Được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.

Mức 3:

Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Tất cả học sinh của nhà trường đều đảm bảo đúng theo quy định về tuổi học sinh cấp tiểu học và trung học cơ sở.

b) Học sinh của nhà trường thực hiện các nhiệm vụ học tập, rèn luyện theo chương trình, kế hoạch giáo dục của nhà trường. Học sinh biết kính trọng cha mẹ, thầy cô giáo, cán bộ công nhân viên của nhà trường và những người lớn tuổi; đoàn kết, giúp đỡ nhau trong học tập, thực hiện nội quy nhà trường và chấp hành pháp luật của nhà nước. Học sinh biết rèn luyện thân thể, giữ gìn vệ sinh cá nhân. Học sinh được tham gia các hoạt

động tập thể của nhà trường, của lớp, của Đội thiếu niên tiên phong, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh; tham gia các công tác xã hội như bảo vệ môi trường, thực hiện trật tự an toàn giao thông. Học sinh có ý thức giữ gìn, bảo vệ tài sản của nhà trường, nơi công cộng; xây dựng và phát huy truyền thống nhà trường [H1-1.1-03]

c) Học sinh được nhà trường đảm bảo các quyền như được bình đẳng trong việc hưởng thụ giáo dục toàn diện, được tạo điều kiện về cơ sở vật chất, được cung cấp thông tin về việc học của mình, được sử dụng các trang thiết bị phương tiện phục vụ các hoạt động học tập, văn hóa, thể thao... Học sinh được tôn trọng, đối xử bình đẳng, dân chủ; được tham gia các hoạt động nhằm phát triển năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật; được giáo dục kỹ năng sống. Học sinh được nhận học bổng hoặc trợ cấp theo quy định đối với những học sinh được hưởng chính sách xã hội, những học sinh có khó khăn; được hưởng các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Mức 2:

Một số học sinh vi phạm các hành vi không được làm như gian lận trong kiểm tra, thi cử, sử dụng điện thoại di động trong giờ học, hút thuốc lá, đánh nhau trong hoặc ngoài nhà trường.... Các hành vi này được giáo viên phát hiện kịp thời, xử lý bằng nhiều hình thức khác nhau như viết bản tự kiểm điểm, mời phụ huynh trao đổi, giáo dục nhắc nhở; đa số các em đều có sự chuyển biến tích cực, nhận ra lỗi sai và không tái phạm nên trong nhiều năm gần đây nhà trường không có học sinh nào phải xếp loại hạnh kiểm thấp nhất là hạnh kiểm yếu.

Mức 3:

Nhà trường có nhiều học sinh có thành tích tốt trong học tập, tham gia tích cực các hoạt động của lớp, của nhà trường, của Đội thiếu niên tiên phong. Trong năm học, số học sinh đạt danh hiệu học sinh giỏi và học sinh tiên tiến đạt hoặc vượt mức chỉ tiêu đề ra đầu năm học, một số học sinh đạt các giải cao trong các kì thi học sinh giỏi cấp thành phố, cấp tỉnh.

2. Điểm mạnh

Học sinh nhà trường được hưởng đầy đủ quyền lợi học tập, vui chơi, phát triển năng khiếu; thực hiện tốt các nhiệm vụ học tập, rèn luyện theo chương trình kế hoạch giáo dục của nhà trường. Học sinh chấp hành nghiêm túc nội quy, quy chế của nhà trường.

3. Điểm yếu

Một số học sinh vẫn chưa tự giác trong thực hiện nhiệm vụ về học tập và rèn luyện đạo đức.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giáo viên tăng cường công tác giáo dục ý thức học tập và rèn luyện đạo đức cho học sinh.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 2:

Biên chế nhân sự nhà trường đạt trình độ về đào tạo theo quy định. Cán bộ quản lí làm việc khoa học, đạt hiệu quả trong công tác. Hằng năm tất cả giáo viên đều được xếp loại có năng lực chuyên môn từ khá trở lên; không có cán bộ giáo viên nào vi phạm pháp luật và quy định về đạo đức nhà giáo. Đa số học sinh đều có ý thức chấp hành tốt nội quy của nhà trường đề ra.

+ **Tổng số tiêu chí của tiêu chuẩn: 5**

+ **Số tiêu chí đạt: 5**

+ **Số tiêu chí không đạt: 0**

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

- Không đạt: 0/4 tiêu chí chiếm 0 %
- Đạt Mức 1: 4/4 (4/4) tiêu chí chiếm 100 %
- Đạt Mức 2: 4/4 (4/4) tiêu chí chiếm 100 %
- Đạt Mức 3: 4/4 (4/4) tiêu chí chiếm 100 %

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Mở đầu:

Cơ sở vật chất nhà trường là khâu hết sức quan trọng nó quyết định chất lượng giáo dục của nhà trường, trong những năm qua được sự hỗ trợ của Sở Giáo dục và Đào tạo Đắk Nông, Dự án THCS vùng khó khăn nhất, các doanh nghiệp đóng trên địa bàn, và các đơn vị kết nghĩa, nhà trường đã từng bước cải thiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị. Phòng học đủ đáp ứng nhu cầu học tập của địa phương.

Bên cạnh việc hỗ trợ như đã nêu ở trên, nhà trường rất tích cực trong vấn đề tham mưu với các cơ quan chức năng bổ sung ngân sách, đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học ...

Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập

Mức 1:

- a) Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục;
- b) Có cổng trường, biển tên trường và tường hoặc rào bao quanh;
- c) Khu sân chơi, bãi tập có đủ thiết bị tối thiểu, đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Mức 2:

Khu sân chơi, bãi tập đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục.

Mức 3:

Các trường nội thành, nội thị có diện tích ít nhất 6m²/học sinh; các trường khu vực nông thôn có diện tích ít nhất 10m²/học sinh; đối với trường trung học được thành lập sau năm 2001 đảm bảo có diện tích mặt bằng theo quy định. Khu sân chơi, bãi tập có diện tích ít nhất bằng 25% tổng diện tích sử dụng của trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Từ khi thành lập đến nay, nhà trường đã từng bước xây dựng được khuôn viên xanh, sạch, đẹp, đảm bảo an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục.
- b) Nhà trường đã có cổng trường, biển tên trường và hàng rào bao quanh.

c) Nhà trường đã có khu sân chơi, nhà đa năng đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Mức 2:

Khu sân chơi, nhà đa năng đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Mức 3:

Diện tích nhà trường khoảng 6000 m², bình quân trên một học sinh là 30 m²; đảm bảo diện tích mặt bằng theo quy định. Khu sân chơi có diện tích đảm bảo 25% tổng diện tích sử dụng.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã sử dụng có hiệu quả diện tích đất hiện có và thường xuyên tuyên truyền đến toàn bộ CBGV-CNV, học sinh toàn trường công tác trồng và chăm sóc cây xanh, vệ sinh môi trường đảm bảo môi trường xanh sạch đẹp.

Nhà trường có tường rào kiên cố bao quanh nên thuận lợi trong công tác bảo vệ an ninh, trật tự trong nhà trường.

3. Điểm yếu

- Sân trường chưa được bê tông hóa toàn bộ.
- Khu sân chơi, bãi tập chưa thực sự đảm bảo phục vụ cho quá trình học tập của học sinh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tham mưu với cấp trên và hội cha mẹ học sinh cùng chung tay bê tông hóa toàn bộ sân trường, xây dựng khu sân chơi bãi tập phục vụ tốt yêu cầu môn Giáo dục thể chất.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.2: Phòng học

Mức 1:

a) Phòng học có đủ bàn ghế phù hợp với tầm vóc học sinh, có bàn ghế của giáo viên, có bảng viết, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát; đảm bảo học nhiều nhất là hai ca trong một ngày;

b) Có đủ phòng học bộ môn theo quy định;

c) Có phòng hoạt động Đoàn - Đội, thư viện và phòng truyền thống.

Mức 2:

a) Phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Khỏi phục vụ học tập, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định.

Mức 3:

Các phòng học, phòng học bộ môn có đủ các thiết bị dạy học theo quy định. Có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Phòng học có đủ bàn ghế phù hợp với tầm vóc học sinh, có bàn ghế của giáo viên, có bảng viết, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát. Nhà trường có đủ phòng học để tổ chức dạy học một ca.

b) Hiện nay nhà trường đã bố trí tạm một số phòng học bộ môn (phòng ngoại ngữ, phòng tin học, phòng âm nhạc) nhưng vẫn còn thiếu theo quy định.

c) Các phòng hoạt động Đoàn - Đội, thư viện và phòng truyền thống đang được nhà trường bố trí tạm thời.

Mức 2:

a) Phòng học được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập.

Phòng học bộ môn được bố trí tạm.

b) Khôi phục vụ học tập, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định.

Mức 3:

Các phòng học bộ môn hiện nay còn thiếu các thiết bị dạy học theo quy định.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ phòng học để tổ chức dạy học một ca.

3. Điểm yếu

Hiện nay nhà trường còn thiếu một số phòng bộ môn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tăng cường công tác tham mưu với các cấp để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, phòng học bộ môn còn thiếu của nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.3: Khôi hành chính - quản trị

Mức 1:

a) Đáp ứng yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường;

b) Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự;

c) Định kỳ sửa chữa, bổ sung các thiết bị khôi hành chính - quản trị.

Mức 2:

Khôi hành chính - quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh.

Mức 3:

Khôi hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Các phòng giáo dục nghệ thuật, phòng học tin học, phòng thiết bị giáo dục, phòng truyền thống và hoạt động Đội hiện nay nhà trường đang bố trí tạm nên chưa đảm bảo đáp ứng các hoạt động giáo dục.

b) Nhà trường có 2 khu để xe (1 của giáo viên, 1 của học sinh) đảm bảo an toàn trật tự.

c) Hàng năm nhà trường đều có kế hoạch thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa, bổ sung các thiết bị khôi hành chính – quản trị theo định kỳ.

Mức 2:

Hiện nay nhà trường đã bố trí phòng của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, văn phòng trường theo quy định, đang bố trí tạm: phòng y tế, thư viện, thiết bị, phòng bảo vệ.

Mức 3:

Khu hành chính quản trị có đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động của nhà trường.

2. Điểm mạnh

Nhà trường bố trí hợp lý khu hành chính quản trị và lắp đặt đầy đủ các thiết bị hỗ trợ hiệu quả công tác quản lý và dạy học.

3. Điểm yếu

Hiện nay nhà trường vẫn còn thiếu các phòng chức năng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tăng cường công tác tham mưu với các cấp trong việc sớm đầu tư xây dựng một số phòng chức năng còn thiếu của nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1:

a) Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có 04 khu vệ sinh. Trong đó 02 khu vệ sinh dành cho học sinh, 02 khu vệ sinh dành cho cán bộ, giáo viên và nhân viên nhà trường. Mỗi khu vệ sinh đều được phân tách ra là hai phần riêng biệt dành cho nam và nữ, đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường. Nhà trường chỉ có 05 học sinh khuyết tật trí tuệ cho nên khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập.

b) Nhà trường có hệ thống cấp thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường. Nhà trường sử dụng nguồn nước sạch từ giếng khoan đảm bảo cho sinh hoạt của giáo viên, nhân viên và học sinh. Và sử dụng nước suối đạt chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm để uống.

c) Nhà trường có hợp đồng 1 lao công hàng ngày quét dọn, thu gom rác. Có 01 hố đốt rác.

Mức 2:

a) Khu vệ sinh của nhà trường đảm bảo thuận tiện, phù hợp với cảnh quan theo quy định.

b) Hệ thống cung cấp nước sạch đáp ứng quy định tại khoản 1 và 3 Điều 5 Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BGDĐT-BYT ngày 15/05/2016 của Bộ GDĐT và Bộ Y tế Quy định về công tác y tế trường học, cụ thể:

Sử dụng nguồn nước uống từ công ty cấp nước có đủ điều kiện cung cấp nước uống đóng chai theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN 6 -1: 2010/BYT) ban hành kèm theo Thông tư số 34/2010/TT-BYT ngày 02/06/2010 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với nước uống đóng chai.

Sử dụng nguồn nước sinh hoạt từ giếng khoan đảm bảo theo quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia (QCVN 02: 2009/BYT) ban hành kèm theo Thông tư số 05/2009/TT-BYT ngày 17/06/2009 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với nước sinh hoạt.

Hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BGDĐT-BYT ngày 15/5/2016 của Bộ GDĐT và Bộ Y tế Quy định về công tác y tế trường học, cụ thể:

Nhà trường có hệ thống cống rãnh thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt, không để nước ứ đọng xung quanh trường lớp; có hệ thống thoát nước riêng cho khu vực nhà vệ sinh.

Nhà trường tự thu gom và xử lý rác thải theo quy định tại khoản 4, mục VII, phần II của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vệ sinh phòng bệnh truyền nhiễm trong các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân ban hành kèm theo Thông tư số 46/2010/TT-BYT ngày 29 tháng 12 năm 2010 của Bộ Y tế ban hành, cụ thể:

Có thùng đựng rác thải. Rác thải của phòng y tế được thu gom và xử lý đảm bảo.

Mỗi phòng học, khu làm việc của cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường đều có đầy đủ dụng cụ thu gom rác thải.

2. Điểm mạnh

Nhà trường sử dụng nguồn nước sạch đảm bảo vệ sinh.

3. Điểm yếu

Khu vệ sinh dành cho học sinh có dấu hiệu xuống cấp, nhỏ hẹp, ẩm thấp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tăng cường công tác tham mưu với các cấp có thẩm quyền để sửa chữa hoặc xây mới khu nhà vệ sinh cho học sinh.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.5: Thiết bị

Mức 1:

a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường;

b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định;

c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;

c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

Phòng thí nghiệm hoặc khu vực thực hành (nếu có) đủ thiết bị đảm bảo hoạt động thường xuyên và hiệu quả; thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Tất cả các phòng hành chính – quản trị đều được trang bị máy vi tính, máy in, có kết nối internet.

b) Nhà trường cơ bản có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu cho việc dạy và học của nhà trường.

c) Hàng năm nhà trường đều thực hiện kiểm kê và bổ sung các thiết bị dạy học.

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính của tất cả các phòng hành chính – quản trị, phòng tin học và phòng ngoại ngữ đều được kết nối internet, phủ wifi toàn trường.

Nhà trường trang bị các thiết bị dạy học cơ bản đảm bảo việc dạy học theo quy định.

c) Hằng năm nhà trường bổ sung thêm các thiết bị dạy học.

Mức 3:

Thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

2. Điểm mạnh

Thiết bị dạy học được trang bị cơ bản đáp ứng yêu cầu dạy và học của nhà trường.

3. Điểm yếu

Phòng thiết bị được bố trí tạm chưa thuận tiện cho việc sắp xếp, mượn trả đồ dùng dạy học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tăng cường tham mưu với các cấp trong việc đầu tư xây dựng phòng thiết bị.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.6: Thư viện

Mức 1:

a) Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường;

b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh;

c) Hằng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.

Mức 2:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên.

Mức 3:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên; hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Thư viện nhà trường được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường.

b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh.

c) Hằng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.

Mức 2:

Thư viện của nhà trường đạt chuẩn theo quy định

Mức 3:

Thư viện nhà trường hiện nay chưa đạt thư viện tiên tiến vì chưa có hệ thống máy tính kết nối Internet để phục vụ cho việc nghiên cứu học tập của giáo viên và học sinh.

2. Điểm mạnh

Thư viện nhà trường trang bị các đầu sách cơ bản đáp ứng nhu cầu dạy và học.

3. Điểm yếu

Chưa có hệ thống máy tính kết nối Internets nên chưa thuận tiện cho hoạt động nghiên cứu và học tập của giáo viên, học sinh..

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tăng cường tham mưu với các cấp trong việc mua sắm máy tính đầu tư hệ thống kết nối Internet cho phòng thư viện.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2**Kết luận về Tiêu chuẩn 3:**

Trong năm học 2015 - 2016 nhà trường cơ bản hoàn thành các tiêu chí trong tiêu chuẩn 3, tuy nhiên cơ sở vật chất như phòng học bộ môn, phòng thí nghiệm, trang thiết bị dạy học còn thiếu chưa đáp ứng được nhu cầu dạy và học theo hướng đổi mới.

+ **Tổng số tiêu chí của tiêu chuẩn: 6**

+ **Số tiêu chí đạt: 2**

+ **Số tiêu chí không đạt: 4**

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

- Không đạt: 0/6 tiêu chí chiếm 0 %
- Đạt Mức 1: 6/6 (6/6) tiêu chí chiếm 100 %
- Đạt Mức 2: 6/6 (6/6) tiêu chí chiếm 100 %
- Đạt Mức 3: 5/6 (4/5) tiêu chí chiếm 83.4 %

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội**Mở đầu:**

Việc phối hợp giữa gia đình, nhà trường và xã hội đối với việc chăm sóc giáo dục trẻ đã trở thành một trong những nguyên tắc cơ bản của nền giáo dục xã hội chủ nghĩa. Sự phối hợp chặt chẽ ba môi trường giáo dục trên, trước là để đảm bảo sự thống nhất trong nhận thức cũng như hoạt động giáo dục cùng một hướng, một mục đích, một tác động tổ hợp, đồng tâm tạo sức mạnh kích thích, thúc đẩy quá trình phát triển nhân cách của trẻ, tránh sự tách rời mâu thuẫn, vô hiệu hóa lẫn nhau gây cho các em tâm trạng nghi ngờ, hoang mang, dao động trong việc lựa chọn, định hướng các giá trị tốt đẹp của nhân cách. Sự phối hợp gia đình, nhà trường, xã hội có thể diễn ra dưới nhiều hình thức. Vấn đề cơ bản hàng đầu là tất cả các lực lượng giáo dục phải phát huy tinh thần trách nhiệm, chủ động tạo ra những mối quan hệ phối hợp vì mục tiêu giáo dục đào tạo thế hệ trẻ thành những người công dân hữu ích cho đất nước.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh

Mức 1:

- a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;
- b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;
- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Ban đại diện CMHS được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh. Vào đầu mỗi năm học, các lớp bầu Ban đại diện cha mẹ học sinh trong đó có trưởng ban, phó ban và ủy viên. Các thành viên Ban đại diện cha mẹ học sinh lớp là những người nhiệt tình, có trách nhiệm trong việc phối hợp với giáo viên chủ nhiệm lớp, giáo viên bộ môn, nhà trường và đại diện cho cha mẹ học sinh trong lớp thực hiện các hoạt động giáo dục học sinh.

Thông qua Đại hội cha mẹ học sinh của các lớp được tổ chức, Ban đại diện cha mẹ học sinh trường đã được thành lập theo đúng qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo, hoạt động theo đúng Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh. Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động theo nguyên tắc đồng thuận. Các nội dung thảo luận, thống nhất trong Ban đại diện cha mẹ học sinh được ghi trong biên bản cuộc họp.

b) Ban đại diện cha mẹ học sinh đã xây dựng kế hoạch hoạt động và làm việc cụ thể và hằng năm được phổ biến rộng rãi đến tất cả cha mẹ học sinh toàn trường. Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp với nhà trường trong việc quản lí, giáo dục học sinh và thực hiện những nhiệm vụ do Ban đại diện cha mẹ học sinh đề ra. Phối hợp với GVCN của lớp để chăm sóc, quản lí, động viên học sinh tích cực tự giác học tập, rèn luyện đạo đức, tuân thủ nội quy của nhà trường. Kiến nghị với nhà trường tạo điều kiện cho con em mình học tập và rèn luyện. Trong năm học, tổ chức họp toàn thể cha mẹ học sinh lớp ba lần: vào đầu năm học, cuối học kỳ 1 và khi kết thúc năm học.

c) Hằng năm, nhà trường tổ chức các cuộc họp đột xuất và định kỳ vào đầu năm, sau học kỳ 1 và cuối năm học để trao đổi với phụ huynh về công tác giáo dục học sinh và để tiếp thu các ý kiến đóng góp về công tác quản lí, giáo dục học sinh và thực hiện giải quyết các kiến nghị hợp lý của cha mẹ học sinh. Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động theo đúng tiến độ.

Mức 2:

Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh. Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp với nhà trường vận động học sinh đến trường, học sinh bỏ học trở lại lớp.

Mức 3:

Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp với giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn tổ chức các hoạt động giáo dục học sinh; Phối hợp với giáo viên chủ nhiệm lớp chuẩn bị nội dung họp cha mẹ học sinh trong năm học. Tham gia giáo dục đạo đức học sinh, bồi dưỡng, khuyến khích học sinh giỏi, giúp đỡ học sinh yếu kém, vận động học sinh bỏ học tiếp tục trở lại học tập, giúp đỡ học sinh nghèo, học sinh khuyết tật và học sinh có hoàn cảnh khó khăn.

2. Điểm mạnh

Ban đại diện cha mẹ học sinh của Nhà trường hoạt động theo Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành theo Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT; hoạt động tích cực, nhiệt tình, dành thời gian và công sức cho công tác vận động học sinh ra lớp và luôn đồng hành với trường trong các hoạt động giúp đỡ, hỗ trợ cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, giáo dục học sinh.

3. Điểm yếu

Hoạt động Ban đại diện cha mẹ học sinh chỉ dừng lại ở nhiệm vụ hỗ trợ cho trường. Ở một số lớp hoạt động Ban đại diện cha mẹ chưa tích cực.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tiếp tục tạo điều kiện cho Ban Đại diện cha mẹ học sinh hoạt động hiệu quả hơn, củng cố và nâng cao trách nhiệm của cha mẹ học sinh, tạo mọi điều kiện cho Ban đại diện cha mẹ học sinh thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, quyền, trách nhiệm theo Điều lệ Ban Đại diện cha mẹ học sinh.

Huy động Ban đại diện cha mẹ học sinh tích cực đề xuất các biện pháp giáo dục học sinh.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a. Trong từng năm học, nhà trường căn cứ vào tình hình thực tế tại đơn vị đã tham mưu kịp thời với cấp ủy đảng, chính quyền địa phương, phòng Giáo dục và Đào tạo và UBND thành phố Gia Nghĩa trong công tác tổ chức đội ngũ, xây dựng, sửa chữa cơ sở vật chất và đề xuất các giải pháp để phát triển nhà trường.

b. Nhà trường đã phối hợp với hội cha mẹ học sinh tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của trường. Hằng năm nhà trường thực hiện việc tuyên truyền đến các ban ngành đoàn thể của địa phương các nội dung, kế hoạch thông qua các cuộc họp chi bộ, lễ khai giảng, sơ kết của nhà trường. Ngoài ra nhà trường cũng đã ký kết với Công an xã Đăk R'Moan trong việc gìn giữ an ninh trật tự trên địa bàn xã, phối hợp với xã Đoàn trong công tác giáo dục và rèn luyện Đội viên, thanh niên.

c. Nhà trường huy động các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định như từ Ban Đại diện cha mẹ học sinh thực hiện khen thưởng học sinh giỏi, học sinh có thành tích xuất sắc trong các phong trào thi đua, thực hiện trao tặng học bổng cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn. Hằng năm nhận tài trợ của CMHS để tăng cường cơ sở vật chất và chi các hoạt động phong trào của học sinh.

Mức 2:

a. Hằng năm ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp với nhà trường tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền trong việc duy trì sĩ số, huy động học sinh ra lớp, hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, phân luồng học sinh sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở. Tham mưu với địa phương về cơ sở vật chất hướng tới mục tiêu xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia.

b. Hằng năm hội cha mẹ học sinh phối hợp các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật thể dục thể thao cho học sinh như: mời hội cựu chiến binh xã Đăk R'Moan tuyên truyền ngày quân đội nhân dân Việt Nam, chạy việt dã. Qua đó giúp học sinh hiểu và tự hào về truyền thống vẻ vang của dân tộc, các em sẽ ra sức cố gắng học tập để xây dựng đất nước ngày càng phát triển hơn.

Mức 3:

Hội cha mẹ học sinh phối hợp với nhà trường tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền xã Đăk R'Moan xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

2. Điểm mạnh

Hội cha mẹ học sinh đã phối hợp chặt chẽ với chính quyền và các tổ chức đoàn thể địa phương trong việc xây dựng và phát triển nhà trường.

Hội cha mẹ học sinh phối hợp hiệu quả với các tổ chức của nhà trường trong việc giáo dục đạo đức lối sống, văn hóa, thể thao, truyền thống lịch sử, văn hóa dân tộc cho học sinh.

3. Điểm yếu

Việc tham mưu của hội cha mẹ học sinh chưa kịp thời

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tiếp tục vận động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tự nguyện theo quy định của CMHS để góp phần xây dựng nhà trường và môi trường giáo dục ngày càng phát triển hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 4:

Có sự kết hợp chặt chẽ giữa nhà trường với ban đại diện cha mẹ học sinh, các đoàn thể, tổ chức chính trị xã hội. Ban đại diện cha mẹ học sinh thường xuyên quan tâm tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động của nhà trường. Tuy nhiên việc phối hợp giữa nhà trường và Hội cha mẹ học sinh trong việc giáo dục các em học sinh chưa ngoan còn gặp nhiều khó khăn.

+ **Tổng số tiêu chí của tiêu chuẩn: 3**

+ **Số tiêu chí đạt: 3**

+ **Số tiêu chí không đạt: 0**

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

- Không đạt: 0/2 tiêu chí chiếm 0 %
- Đạt Mức 1: 2/2 (2/2) tiêu chí chiếm 100 %
- Đạt Mức 2: 2/2 (2/2) tiêu chí chiếm 100 %
- Đạt Mức 3: 2/2 (2/2) tiêu chí chiếm 100 %

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục

Mở đầu:

Việc phối hợp giữa gia đình, nhà trường và xã hội đối với việc chăm sóc giáo dục trẻ đã trở thành một trong những nguyên tắc cơ bản của nền giáo dục xã hội chủ nghĩa. Sự phối hợp chặt chẽ ba môi trường giáo dục trên, trước là để đảm bảo sự thống nhất trong nhận thức cũng như hoạt động giáo dục cùng một hướng, một mục đích, một tác động tổng hợp, đồng tâm tạo sức mạnh kích thích, thúc đẩy quá trình phát triển nhân cách của trẻ, tránh sự tách rời mâu thuẫn, vô hiệu hóa lẫn nhau gây cho các em tâm trạng nghi ngờ, hoang mang, dao động trong việc lựa chọn, định hướng các giá trị tốt đẹp của nhân

cách. Sự phối hợp gia đình, nhà trường, xã hội có thể diễn ra dưới nhiều hình thức. Vấn đề cơ bản hàng đầu là tất cả các lực lượng giáo dục phải phát huy tinh thần trách nhiệm, chủ động tạo ra những mối quan hệ phối hợp vì mục tiêu giáo dục đào tạo thế hệ trẻ thành những người công dân hữu ích cho đất nước.

Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông

Mức 1:

- a) Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục;
- b) Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường; bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn;
- c) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả.

Mức 2:

- a) Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh;
- b) Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.

Mức 3:

Hằng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Hằng năm, Nhà trường thực hiện đúng kế hoạch thời gian của năm học, học kỳ I học 18 tuần, học kỳ II học 17 tuần; Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục đảm bảo mục tiêu giáo dục [H5 - 5.1 - 01].

Tất cả các giáo viên đều xây dựng và thực hiện theo kế hoạch giảng dạy theo đúng phân phối chương trình [H5 - 5.1 - 02].

- b) Hằng năm, BGH nhà trường chỉ đạo giáo viên vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường [H1 - 1.8 - 02].

Trong quá trình giảng dạy, giáo viên bồi dưỡng cho học sinh phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn cho học sinh [H5 - 5.1 - 03].

- c) Nhà trường có các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đảm bảo khách quan và hiệu quả [H5 - 5.1 - 03].

Mức 2:

a) Định kỳ, cán bộ quản lý kiểm tra việc thực hiện kế hoạch giảng dạy của giáo viên qua sổ đầu bài, sổ báo giảng, dự giờ và qua kiểm tra tập của học sinh để đảm bảo thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức học sinh [H1 - 1.1 - 04].

b) Hằng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu kém [H5 - 5.1 - 04].

Mức 3:

Hằng năm, Nhà trường có đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy của giáo viên và học tập của học sinh [H1 - 1.1 - 04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện nghiêm túc chương trình giáo dục đã được phê duyệt, tổ chức dạy học đảm bảo mục tiêu giáo dục phù hợp từng đối tượng học sinh, xây dựng kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh yếu kém kịp thời.

3. Điểm yếu

Một số giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục còn hạn chế, chưa phát huy hết năng lực, phẩm chất năng lực của học sinh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường cần đưa ra các biện pháp hữu hiệu để nâng cao chất lượng giáo dục học sinh.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện

Mức 1:

a) Có kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

b) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

c) Hằng năm rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

Mức 2:

Học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục.

Mức 3:

Nhà trường có học sinh năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật được cấp có thẩm quyền ghi nhận.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm nhà trường xây dựng kịp thời kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện [H5 - 5.1 - 01] .

b) Hằng năm, nhà trường triển khai kịp thời kế hoạch giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập đến toàn cán bộ quản lý, giáo viên, công nhân viên nhà trường. Từ đó các tổ chuyên môn thực hiện việc chọn học sinh bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện đạt hiệu quả cao [H5 - 5.1 - 01] .

c) Hằng năm, nhà trường rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện [H1 - 1.1 - 03] .

Mức 2:

Các học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục [H1 - 1.1 - 03].

Mức 3:

Nhà trường có một số học sinh có năng khiếu về các môn thể thao như bóng đá, đá cầu, điền kinh...tham gia tập luyện để có thể thi đấu Hội khỏe Phù Đổng cấp thành phố và cấp tỉnh hoặc các kì hội thao do các cấp tổ chức.

2. Điểm mạnh

Nhà trường thường xuyên tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

3. Điểm yếu

Kết quả học sinh tham gia Hội khỏe Phù Đổng chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường có kế hoạch bồi dưỡng, tạo điều kiện giúp các em gặp khó khăn vươn lên trong học tập để các em có thể phát huy hết khả năng, năng lực của bản thân.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định

Mức 1:

a) Nội dung giáo dục địa phương cho học sinh được thực hiện theo kế hoạch;

b) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh về nội dung giáo dục địa phương đảm bảo khách quan và hiệu quả;

c) Hằng năm, rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương.

Mức 2:

Nội dung giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường thực hiện đầy đủ các nội dung giáo dục địa phương theo quy định tại công văn số 5977/BGDĐT-GDTrH của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với học sinh khối 7,8,9, môn Giáo dục địa phương đối với học sinh khối 6 theo hướng dẫn và tài liệu của Sở Giáo dục và Đào tạo Đắk Nông gồm 7 chủ đề thuộc các môn Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, GDCD, Âm nhạc, Mĩ thuật, Công nghệ góp phần đảm bảo mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn cuộc sống tại địa phương [H5 - 5.1 - 03].

b) Hằng năm, nhà trường thực hiện tốt việc kiểm tra và đánh giá các nội dung giáo dục địa phương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H1 - 1.1 - 03].

c) Mỗi năm học, nhà trường thực hiện rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu mới thiết thực với tình hình thực tế của thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông để điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương phù hợp trong giảng dạy [H5 - 5.1 - 01].

Mức 2:

Nội dung giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn [H5 - 5.1 - 03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện nghiêm túc nội dung giáo dục địa phương theo tài liệu của Sở Giáo dục và Đào tạo Đắk Nông.

3. Điểm yếu

Việc thực hiện nội dung giáo dục địa phương trong nhà trường còn nhiều hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Cập nhật chương trình tư liệu giáo dục địa phương kịp thời, triển khai đồng bộ ở một số môn học theo quy định.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp

Mức 1:

a) Có kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường;

b) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo kế hoạch;

c) Phân công, huy động giáo viên, nhân viên trong nhà trường tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

Mức 2:

a) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với các hình thức phong phú phù hợp học sinh và đạt kết quả thiết thực;

b) Định kỳ rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có kế hoạch tổ chức thực hiện các hoạt động trải nghiệm, sáng tạo cho học sinh và giáo dục hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường [H5 - 5.4 - 01];

b) Nhà trường tổ chức thực hiện hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo kế hoạch cụ thể của từng bộ môn. Phối hợp với các trường Cao đẳng cộng đồng, Trung cấp nghề, giáo dục hướng nghiệp các ngành nghề cho học sinh khối 9 phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương giúp các em định hướng được nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở [H5 - 5.4 - 01].

c) Hiệu trưởng nhà trường phân công, huy động giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn, nhân viên tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với học sinh phù hợp cho tình hình thực tế của nhà trường [H5 - 5.4 - 02].

Mức 2:

Nhà trường tiến hành tổ chức các hoạt động trải nghiệm trong các buổi ngoại khóa, chuyên đề hằng năm [H5 - 5.4 - 02].

Hoạt động hướng nghiệp: Phối hợp với các trường Cao Đẳng, Trung cấp nghề tư vấn nghề nghiệp cho học sinh, tổ chức cho các em tham quan các khu công nghiệp, các trường dạy nghề, ... giúp các em có định hướng, chọn lựa nghề nghiệp phù hợp cho tương lai [H5 - 5.4 - 02].

b) Hằng năm, nhà trường đều tiến hành rà soát và đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, rút kinh nghiệm trong quá trình tiến hành [H1 - 1.1 - 03].

2. Điểm mạnh

Điểm mạnh

Nhà trường đã tổ chức hiệu quả hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh phù hợp với địa phương. đ

Nhà trường đã định hướng được nghề nghiệp giúp học sinh xác định được việc học tập chương trình phổ thông và học nghề sau khi tốt nghiệp THCS.

3. Điểm yếu

Vẫn còn một số học sinh chưa có ý thức trong việc tham gia hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp do nhà trường tổ chức.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tiếp tục thực hiện tốt công tác hoạt động trải nghiệm cho các em tham gia vào hoạt động trải nghiệm thực tế nhiều hơn với nhiều hình thức phong phú và đa dạng hơn.

Nhà trường tiếp tục phối hợp với trường Cao đẳng, Trung cấp tổ chức các hoạt động hướng nghiệp, giáo dục nghề cho học sinh sau tốt nghiệp trung học cơ sở.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh

Mức 1:

a) Có kế hoạch định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương;

b) Quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho học sinh có chuyển biến tích cực thông qua các hoạt động giáo dục;

c) Đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam.

Mức 2:

a) Hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện;

b) Khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh từng bước hình thành và phát triển.

Mức 3:

Bước đầu, học sinh có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ theo người hướng dẫn, chuyên gia khoa học và người giám sát chỉ dẫn.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm, Nhà trường có kế hoạch định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng tiếp thu, nhận thức học tập của học sinh, phù hợp với điều kiện của nhà trường và địa phương xã Đắc R'Moan, thành phố Gia Nghĩa [H1 - 1.5 - 01].

b) Việc giáo dục kỹ năng sống cho học sinh trong nhà trường, ngoài việc lồng ghép vào các môn học hàng ngày, hoạt động ngoài giờ lên lớp là một trong những con đường giáo dục có hiệu quả trong việc giáo dục kỹ năng sống cho học sinh.

Ngoài ra, nhà trường còn tổ chức các buổi tuyên truyền pháp luật dưới sân cờ để trang bị những kiến thức pháp luật có liên quan đến đời sống, học tập của học sinh góp phần nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật cho học sinh; mời báo cáo viên tuyên truyền luật giao thông cho học sinh để từ đó giáo dục ý thức chấp hành luật giao thông, cách tự phòng tránh tai nạn giao thông. Đặc biệt các em đã hưởng ứng tốt việc chấp hành luật giao thông và tham gia các cuộc thi về An toàn giao thông.

Nhà trường tổ chức các tuyên truyền phòng chống thiên tai rủi ro cho học sinh để giúp các em phòng chống đuối nước và các tai nạn thương tích khác; mời báo cáo viên tuyên truyền, tập huấn về phòng cháy chữa cháy thoát nạn khi xảy ra cháy nhằm nâng cao sự hiểu biết, ý thức và kỹ năng phòng cháy và chữa cháy, thoát nạn cho học sinh... Các em đã hưởng ứng tốt các buổi tuyên truyền [H5 - 5.4 - 02].

c) Thông qua giáo dục kỹ năng sống của nhà trường, qua hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, dạy kỹ năng sống theo các chủ đề khác nhau đã giúp học sinh hình thành và phát triển tinh thần đoàn kết, gắn bó, quan tâm giúp đỡ lẫn nhau trong học tập, học sinh nỗ lực tiếp thu bài giảng và tìm tòi những kiến thức liên quan đến bài học để liên hệ áp dụng vào thực tiễn, qua đó phát huy tình cảm thái độ ứng xử của học sinh phù hợp với truyền thống văn hóa Việt Nam [H1 - 1.1 - 03].

Mức 2:

a) Thông qua các hoạt động giáo dục kỹ năng sống học sinh sẽ tự hình thành kỹ năng tự kiểm tra đánh giá: xác định được mục tiêu, nội dung bài học; xác định các nội dung liên quan trong các tài liệu tham khảo, tái hiện những kiến thức liên quan đã được

nghe giảng; xây dựng dàn ý bài học; làm bài tập theo yêu cầu; dự kiến các câu hỏi và trả lời; trình bày trước nhóm (lớp), trao đổi thảo luận với bạn bè; kiểm tra, điều chỉnh, bổ sung những nội dung chưa phù hợp [H1 - 1.1 - 03].

b) Học sinh biết cách giao tiếp ứng xử biết lễ phép, vâng lời bố mẹ, thầy cô, người lớn tuổi; có thể vận dụng kiến thức vào thực tiễn của bản thân trong cuộc sống, biết quản lý thời gian học tập và sinh hoạt có hiệu quả [H1 - 1.1 - 03].

Mức 3:

Thông qua các hoạt động giáo dục Kỹ năng sống một số học sinh bước đầu có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ theo người hướng dẫn, chuyên gia khoa học và người giám sát. Tuy nhiên, tỉ lệ học sinh có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ còn thấp [H1- 1.1 - 04]; .

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất để dạy giáo dục kỹ năng sống, thực hiện đầy đủ và có hiệu quả các nội dung giáo dục, rèn luyện kỹ năng sống thông qua các các môn học trên lớp, trong các hoạt động ngoại khóa và hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp theo chủ điểm hằng tháng của Bộ Giáo dục và Đào tạo và kế hoạch của nhà trường.

Chương trình giáo dục về kỹ năng sống được tích hợp trong các môn học trên lớp và lồng ghép trong các hoạt động của nhà trường;

3. Điểm yếu

Vẫn còn một số học sinh chưa có ý thức tham gia các buổi ngoài giờ lên lớp về giáo dục kỹ năng sống cho học sinh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường phối kết hợp với cha mẹ học sinh để giáo dục học sinh ý thức tốt hơn tốt hơn trong việc giáo dục kỹ năng sống.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục

Mức 1:

- a) Kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;
- b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;
- c) Định hướng phân luồng cho học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.

Mức 2:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá;

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.

Mức 3:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh:
- Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp

trung học phổ thông) và 20% đối với trường chuyên.

- Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 25% đối với trường chuyên.
- Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 30% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 20% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 55% đối với trường chuyên.
- Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 35% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 25% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 60% đối với trường chuyên.
- Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc vùng khó khăn: không quá 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém.
- Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc các vùng còn lại: không quá 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém.
- Đối với nhà trường có lớp tiểu học: Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt 95%; tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 90%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học.
- Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt đạt ít nhất 90% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 98% đối với trường chuyên;

b) Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban:

- Vùng khó khăn: Không quá 03% học sinh bỏ học, không quá 05% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học.
- Các vùng còn lại: Không quá 01% học sinh bỏ học, không quá 02% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Liên tục 5 năm học qua, tỉ lệ học sinh lên lớp trên 98%. Kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường [H1 - 1.1 - 03].

b) Hằng năm, tỉ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp trung học cơ sở đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường [H1 - 1.1 - 03].

c, Hàng năm nhà trường có kế hoạch phân luồng học sinh sau khi tốt nghiệp THCS [H1- 1.1- 03].

Mức 2:

a) Trong 05 năm, kết quả học lực và hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực từ 2017 đến 2022 [H1 - 1.1 - 03].

b) Trong 05 năm liên tiếp từ 2017 đến 2022, tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp của nhà trường đạt yêu cầu [H1 - 1.1 - 03].

Mức 3:

a) Nhà trường thực hiện những biện pháp tích cực, cùng với sự phối hợp chặt chẽ của cha mẹ học sinh, đặc biệt là sự phân đầu, tu dưỡng, rèn luyện của học sinh nên hằng

năm, nhà trường có tỷ lệ xếp loại học lực của học sinh toàn trường đạt loại giỏi, khá trên 35 %, loại yếu kém dưới 5%. Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt vượt chỉ tiêu đề ra (100%).

b) Hằng năm, nhà trường có tỷ lệ học sinh lưu ban không quá 2%; tỷ lệ bỏ học dưới 1% [H1 - 1.1 - 03].

2. Điểm mạnh

Kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh đạt chỉ tiêu theo kế hoạch của nhà trường.

Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp cao, chiếm tỷ lệ 95% trở lên.

Tỷ lệ học sinh phải ở lại lớp không quá 10% (được tính sau khi học sinh có học lực yếu đã thi lại)

3. Điểm yếu

Chất lượng giáo dục mũi nhọn vẫn còn thấp, vẫn còn 1 số học sinh chưa có ý thức tự giác trong học tập.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Xây dựng kế hoạch nâng cao chất lượng mũi nhọn phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường.

Nhà trường phối hợp với cha mẹ học sinh giáo dục học sinh có ý thức hơn trong học tập.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 5:

Hoạt động giảng dạy và học tập của nhà trường có nền nếp, phần lớn học sinh có ý thức học tập. Phong trào học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu kém luôn được duy trì tốt. Nhà trường thường xuyên tổ chức các hoạt động ngoài giờ để chào mừng các ngày lễ lớn trong năm học và thường xuyên rèn kỹ năng sống cho học sinh. Công tác giáo dục thể chất và y tế học đường được chú trọng.

Kết quả đánh giá xếp loại học lực và hạnh kiểm của học sinh đáp ứng được mục tiêu giáo dục cấp THCS. Tỷ lệ học lực của học sinh đạt khá giỏi hằng năm trên 45%, hạnh kiểm tốt, khá trên 99%.

- Số lượng và tỷ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:
 - Không đạt: 0/6 tiêu chí chiếm 0 %
 - Đạt Mức 1: 6/6 (6/6) tiêu chí chiếm 100 %
 - Đạt Mức 2: 6/6 (6/6) tiêu chí chiếm 100 %
 - Đạt Mức 3: 6/6 (6/6) tiêu chí chiếm 100 %

Phần III. KẾT LUẬN CHUNG

1. Ưu điểm:

Trường có 32 viên chức, người lao động, có 31 cán bộ giáo viên đạt trình độ chuẩn, chiếm tỷ lệ 96,9%.

Lãnh đạo nhà trường đều được đào tạo qua trường cán bộ quản lý, lý luận chính trị 02 trung cấp. Tất cả đều có kinh nghiệm và trình độ quản lý ngang tầm với yêu cầu nhiệm vụ, có tầm nhìn khoa học, luôn sáng tạo trong công việc, biết đề ra những chủ trương và biện pháp lãnh đạo và quản lý phù hợp với đặc điểm tình hình nhà trường, từ đó góp phần tạo ra sự phát triển bền vững trong những năm qua.

Giáo viên, nhân viên nhiệt tình, có tinh thần trách nhiệm cao đối với nhiệm vụ được giao, các tổ bộ môn đều có giáo viên cốt cán, vững tay nghề, là những giáo viên giỏi cấp Thị xã.

Hầu hết học sinh xác định được động cơ, thái độ học tập, chăm chỉ trong tập và rèn luyện, lễ phép với thầy cô giáo, hoà nhã với bạn bè, chấp hành tốt nội qui nhà trường, hưởng ứng tốt các phong trào thi đua của Đoàn, Đội và nhà trường, chất lượng 2 mặt giáo dục năm sau cao hơn năm trước.

Với cơ sở vật chất hiện có, tuy chưa hoàn thiện nhưng cũng khá khang trang, đủ để bố trí các phòng học, thí nghiệm thực hành... Trường có hàng rào thuận lợi cho việc bảo quản tài sản nhà trường.

Trường được trang bị máy vi tính văn phòng có kết nối mạng Internet, phòng tin học có 23 máy cũng được kết nối Internet, 2 máy tính xách tay và 3 đèn chiếu phục vụ cho phòng giảng dạy ứng dụng công nghệ thông tin, giáo viên có thể truy cập mạng để lấy thông tin phục vụ cho giảng dạy theo hướng đổi mới phương pháp dạy và học.

Công tác xã hội hoá có hướng phát triển tốt, Hội khuyến học, Ban đại diện cha mẹ học sinh luôn là chỗ dựa vững chắc cho nhà trường, huy động được nguồn quỹ tặng dần để giúp học sinh nghèo, vượt khó học tốt, học sinh giỏi....

Tập thể sư phạm nhà trường có ý thức cao trong việc đổi mới về quản lý, dạy và học, sự vươn lên trong chuyên môn luôn là mục tiêu phấn đấu của từng thành viên trong nhà trường.

Giáo viên ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy tốt, đang trở thành xu hướng phấn đấu chung, hiện có 100% cán bộ giáo viên biết ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và giảng dạy.

2. Hạn chế:

Một số ít học sinh chưa thực sự cố gắng vươn lên trong học tập, ý thức học tập chưa cao.

Tỉ lệ học sinh giỏi các cấp còn ít.

Trang thiết bị phục vụ dạy và học còn thiếu.

Cơ sở vật chất nhà trường còn thiếu: Khu giáo dục thể chất, phòng học bộ môn còn bố trí tạm, số lượng đầu sách phòng thư viện còn ít.

- Tự đánh giá: Cấp độ 2

Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

- Không đạt: 0/28 tiêu chí chiếm 0 %
- Đạt Mức 1: (28/28) (28/28) tiêu chí chiếm 100 %
- Đạt Mức 2: (28/28) (28/28) tiêu chí chiếm 100 %

- Đạt Mức 3: (27/28) (27/28) tiêu chí chiếm 96.5 %

Căn cứ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục và quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục mầm non, giáo dục cơ sở, giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên của BGD&ĐT. TRƯỜNG TIỂU HỌC & TRUNG HỌC CƠ SỞ PHAN ĐÌNH GIÓT tự đánh giá đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 2 và đạt mức độ 1 trường chuẩn Quốc Gia.

Gia Nghĩa, ngày 28 tháng 5 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu)



Nguyễn Khắc Nghị